



CTCP VLXD BẾN TRE

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

207D Nguyễn Đình Chiểu, TPBT
Tel: 0275.3822315
E-mail: vlxdbentre@yahoo.com.vn

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

CHƯƠNG 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

CHƯƠNG 3: TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHƯƠNG 4: BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

CHƯƠNG 5: BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

CHƯƠNG 6: BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHƯƠNG 7: BÁO CÁO QUẢN TRỊ

CHƯƠNG 8: BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

CHƯƠNG 9: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Phòng KT - XD

Phòng Kỹ thuật – Xây dựng

Phòng TC – HC

Phòng Tổ chức – Hành chính

HĐQT

Hội đồng quản trị

BKS

Ban kiểm soát

VLXD

Vật liệu xây dựng

BGD

Ban giám đốc

BHYT

Bảo hiểm y tế

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

I. THÔNG TIN CHÍNH:

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE**

Mã Chứng khoán: **VXB**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: **1300108704** do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày **01/09/2004**, thay đổi lần thứ **17** ngày **11/03/2021**.

Vốn điều lệ: **40.490.060.000** đồng

Vốn góp của chủ sở hữu: **40.490.060.000** đồng

➤ Trụ sở chính: **207D Nguyễn Đình Chiểu, Xã Phú Hưng, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre**

➤ Số điện thoại: **(0275) 3.822.315 - 3.829.857**

➤ Số Fax: **(0275) 3.822319**

➤ Website: **www.vlxdbentre.com**

➤ E-mail: **vlxdbentre@yahoo.com.vn**

II. CÁC CỘT MỐC LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN:

Năm 1978: Công ty Vật liệu Xây dựng Bến Tre là doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo quyết định số 30/TC-CQ ngày 17/01/1978 của Ủy ban Nhân dân (UBND) tỉnh Bến Tre.

Năm 1991: Công ty Vật liệu Xây dựng Bến Tre được thành lập theo quyết định số 994/QĐ-UB ngày 02/12/1992 của UBND tỉnh Bến Tre.

Năm 2004: Công ty Vật liệu Xây dựng Bến Tre chuyển đổi thành Công ty cổ phần với vốn điều lệ ban đầu là 15 tỷ đồng.

Năm 2005: Công ty xây dựng xưởng sản xuất tole và xà gồ thép

Năm 2006: Mở rộng hoạt động sản xuất sang lĩnh vực thi công xây dựng. Tăng vốn điều lệ lên 17.250.000.000 đồng.

Năm 2007: Đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Năm 2009: Tăng vốn điều lệ lên 40.490.060.000 đồng

Năm 2010: Cổ phiếu giao dịch lần đầu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu VXB.

Năm 2019: Công ty tiến hành tái cơ cấu toàn bộ hoạt động của Công ty với mục tiêu giai đoạn 2019-2020 có lãi và ổn định.

III. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHÍNH:

Cung cấp vật liệu xây dựng, xây dựng công trình và kinh doanh các lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Bến Tre, gồm có:

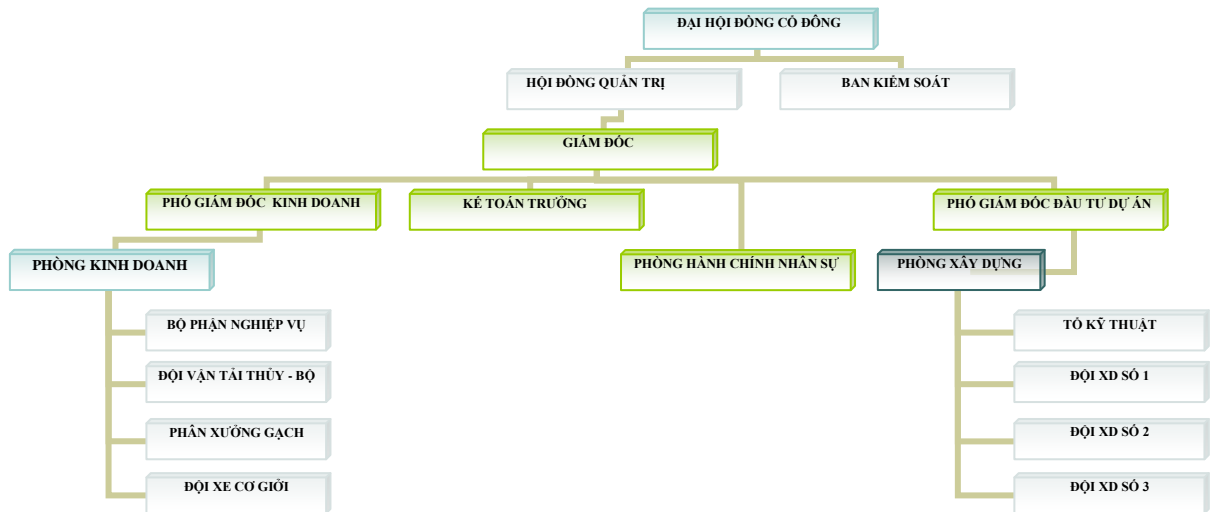
1. Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và các mặt hàng trang trí nội thất.
2. Khai thác cát sông.
3. Thi công xây dựng, san lấp mặt bằng.

4. Vận tải hàng hóa.

5. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các công trình dân dụng, công nghiệp.

IV. SƠ ĐỒ BỘ MÁY VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC:

Công ty không thành lập công ty con và công ty liên kết:



V. CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU:

❖ **Mục tiêu ngắn hạn:**

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 - 2021 duy trì hoạt động ổn định.

❖ **Mục tiêu dài hạn:**

Phấn đấu trong tương lai trở thành công ty hàng đầu tỉnh Bến Tre trong việc phát triển kinh doanh bất động sản, thi công xây dựng công trình và kinh doanh vật liệu xây dựng.

CHƯƠNG 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**I. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:**

- ❖ Doanh thu thuần đạt hơn 96,875 tỷ đồng, giảm so với năm 2019 tương đương 26%
- ❖ Lợi nhuận sau thuế lỗ 18,035 tỷ đồng, tăng lỗ so với năm 2019 tương đương 43%

1. Một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh:*(ĐVT: triệu đồng)*

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tổng Doanh thu	212.595	227.886	134.212	97.807
Lợi nhuận trước thuế	6.391	1.434	-12.578	-18.035

2. Tình hình tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận giai đoạn 2016 - 2019:*(ĐVT: triệu đồng)*

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Doanh thu thuần	213.588	208.428	226.723	131.281	96.875
Lợi nhuận gộp	21.130	22.250	21.041	5.776	3.424
% LN gộp/DTT	9,89%	10,68%	9,28%	4,4%	3,53%

3. Cơ cấu doanh thu:*(ĐVT: triệu đồng)*

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Kinh doanh và sản xuất VLXD	39.969	30,45%	24.040	24,82%
Hoạt động vận tải	859	0,65%	1.465	1,51%
Thi công xây dựng	90.453	68,9%	70.957	73,25%
Doanh thu khác	-	-	413	0,42%
Tổng cộng	131.281	100%	96.875	100%

Năm 2020, tình hình kinh tế - xã hội vẫn còn gặp không ít khó khăn như: sản xuất tiêu thụ công, mảng xây dựng khan hiếm nguồn nguyên liệu, giá nguyên liệu tăng cao, ô nhiễm môi trường, công tác giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn, năng lực cạnh tranh với các doanh nghiệp tư nhân chưa cao, tạm ngừng hoạt động khai thác cát (do hết thời gian khai thác cát), tồn tại nhưng khó khăn về mặt tài chính chưa tháo gỡ kịp thời ảnh hưởng đến việc nhập hàng hóa, tiến độ thi công các công trình xây dựng; sự thay đổi về chính sách thuế, phí đối với việc thuê đất, chi phí lãi vay ngân hàng còn cao... đã ảnh hưởng rất nhiều đến hiệu quả hoạt động của Công ty.

Các hoạt động chủ yếu của Công ty chủ yếu là kinh doanh vật liệu xây dựng, thi công công trình xây dựng. Trong đó, lĩnh vực xây dựng được xác định là hoạt động chủ lực đem lại doanh thu cao nhất cho công ty trong cơ cấu doanh thu năm 2020 chiếm 73,21%. Bên cạnh đó, mảng hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng năm 2020 chiếm 23,73%.

II. TỔ CHỨC NHÂN SỰ:

1. Danh sách ban điều hành:

S T T	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Hoài Yên	Giám đốc	01/05/2019	15/09/2020
2	Tô Văn Chương	Phó Giám đốc	16/08/2019	15/09/2020
3	Đình Hoàng Vinh	Phó Giám đốc	19/11/2019	15/09/2020
		Giám đốc	15/09/2020	11/03/2021
4	Trương Thị Yên	Giám đốc	11/03/2021	
5	Đỗ Thị Thu Trang	Kế toán trưởng	19/11/2021	

*** Tóm tắt lý lịch Ban Điều hành:**

Bà Trương Thị Yên - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Năm sinh	1963
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế ngắn hạn
Số cổ phần sở hữu	0
• Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phiếu chiếm 0% vốn điều lệ
• Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phiếu chiếm 0% vốn điều lệ

Bà Đỗ Thị Thu Trang - Kế toán trưởng

Năm sinh	1982
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Số cổ phần sở hữu	-
• Số cổ phần cá nhân sở hữu	-
• Số cổ phần đại diện sở hữu	-

2. Tình hình cán bộ, nhân viên công ty tại thời điểm 31/03/2021:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng
I	GIỚI TÍNH	42	100%
1	Nam	35	83,33%
2	Nữ	07	16,67%
II	Trình độ	42	100%
1	Đại học	18	42,86%
2	Cao đẳng	02	4,76%
3	Trung cấp	03	7,14%
4	Công nhân Kỹ thuật	19	45,24%

2.1 Chính sách đối với người lao động:

Công ty thực hiện chế độ làm việc 08 giờ/ngày, 44 giờ/tuần. Đối với các công việc đặc thù, do yêu cầu của tính chất công việc, thời gian làm có thể sắp xếp linh hoạt hơn, đảm bảo công việc được xuyên suốt.

2.2 Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

Công ty ưu tiên tuyển dụng hoặc ký lại hợp đồng với người đã có thời gian làm việc tại Công ty và con em của người lao động trong trường hợp đáp ứng tốt nhu cầu, vị trí công việc. Tùy theo mức độ đóng góp của người lao động, Công ty sẽ hỗ trợ về thời gian để tham gia các khóa đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo định hướng phát triển của Công ty.

2.3 Chính sách lương thưởng, phúc lợi:

Hàng năm, được sự ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT quyết định chính sách tiền lương căn cứ vào quy định pháp luật hiện hành cũng như kế hoạch và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Người lao động hưởng lương theo sản phẩm, theo doanh thu và tiền lương được cho người lao động và hiệu quả công việc. Chính sách lương thưởng, phúc lợi của Công ty đảm bảo cán bộ, công nhân viên tại từng bộ phận khác nhau được hưởng thu nhập tương xứng với từng vị trí công việc. Tùy theo bậc lương, thời gian được xét nâng lương của người lao động khó khăn về đời sống kinh tế nhưng có ý thức trách nhiệm trong công việc.

Ngoài ra, căn cứ vào hiệu quả công việc của từng người Công ty có chính sách xét khen thưởng trong các dịp lễ, tết, tổ chức cho cán bộ nhân viên của Công ty tham quan, nghỉ dưỡng, đồng thời có chính sách khen thưởng đối với nhân viên xuất sắc, thăm hỏi ốm đau, thai sản, báo hiếu, báo tang, lao động là nữ,...và các chế độ phúc lợi khác theo qui định của pháp luật.

(ĐVT: đồng/người/tháng)

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Thu nhập bình quân	5.200.000	5.400.000	4.643.335	4.881.783	5.119.200

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN:

1. Dự án Phú Tân:

Quá trình triển khai thủ tục pháp lý của dự án, Công ty đã gặp không ít các khó khăn vướng mắc liên quan đến các chính sách mới ban hành (Luật Đất đai năm 2013, Luật Đấu thầu năm 2013, 2020) có nhiều thay đổi so với thời điểm Công ty được Tỉnh giao thực hiện dự án (năm 2009, 2010). Năm 2019, Công ty bị thu hồi Giấy phép đầu tư đã làm phát sinh nhiều vấn đề khó khăn như chi phí nhận chuyển quyền sử dụng đất, chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng và lãi vay, trong khi dự án chưa tạo được doanh thu và lợi nhuận để hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã được ĐHCĐ giao.

Ngày 6/12/2019, UBND tỉnh Bến Tre đã có Nghị quyết số 61/NQ-HĐND về việc thông qua phương án đề xuất đầu tư phát triển Khu đô thị mới Phú Tân, thành phố Bến Tre.

Theo Nghị định số 25/2020/ND-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư, Công ty cần hợp tác liên doanh với đối tác khác có đủ năng lực tài chính và kinh nghiệm để cùng tham gia dự thầu và/hoặc nhận lại chi phí đền bù tiền sử dụng đất và chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng dở dang mà Công ty đã đầu tư vào dự án sau khi dự án có chủ đầu tư mới. Tuy nhiên, thủ tục lựa chọn NĐT thực hiện dự án khu đô thị mới vẫn còn một số vướng mắc chưa được triển khai.

Gần đây nhất vào tháng 3/2021, Công ty đã tham dự cuộc họp với đại diện các Sở và UBND Thành phố Bến Tre để trao đổi tháo gỡ vướng mắc pháp lý của dự án. Sau đó, Công ty đã gửi văn bản đến UBND Tỉnh báo cáo tình hình pháp lý dự án cũng như những khó khăn của Công ty khi đầu tư dang dở vào dự án, đồng thời đề xuất UBND Tỉnh đẩy nhanh thủ tục lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật để dự án sớm được triển khai.

2. Dự án Chợ Mỹ Thạnh An:

Từ năm 2019 đến nay, Công ty đã nhiều lần có văn bản gửi các Sở ban ngành đề xuất chấm dứt đầu tư xây dựng chợ do nhu cầu thực tế không có, đồng thời xin điều chỉnh cục bộ quy hoạch ô phố đất chợ sang ô phố đất thương mại dịch vụ. UBND Thành phố giao Phòng Quản lý đô thị hỗ trợ phương án nâng cấp từ chợ truyền thống lên mô hình dịch vụ thương mại phối hợp với hướng phát triển đô thị trực đường trung tâm hành chính thành phố Bến Tre trong tương lai.

Tháng 11/2020 Công ty tiếp tục có văn bản gửi các sở ngành địa phương xin chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng đất chợ sang đất thương mại dịch vụ.

HĐQT và Ban Điều hành Công ty sẽ tiếp tục làm việc với cơ quan hữu quan nhằm đẩy nhanh hơn nữa thủ tục pháp lý của dự án Phú Tân và dự án chợ Mỹ Thạnh An, để Công ty sớm thu hồi được vốn đã đầu tư.

CHƯƠNG 3: TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

I. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,08	1,05	0,89	0,71
2	Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,88	0,84	0,47	0,53
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	66,21	70,36	70,9	79,05
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	195,95	237,41	243,62	377,38
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
1	Vòng quay Hàng tồn kho	Vòng	9,11	7,62	3,33	2,85
2	Vòng quay tài sản	Vòng	1,09	1,15	0,71	0,64
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
1	Hệ số LNST/DTT	%	2,45	1,04	(9,46)	(18,62)
2	Hệ số LNST/VCSH (bình quân)	%	7,98	3,79	(22,9)	(47,00)
3	Hệ số LNST/Tổng tài sản (bình quân)		2,68	1,2	(6,73)	(11,91)
4	Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,19	0,87	(11,7)	3,53

➤ Tài sản ngắn hạn trong năm 2020 giảm mạnh từ 98,8 tỷ đồng giảm còn 78,2 tỷ đồng so với năm 2019 nguyên nhân chủ yếu ở việc trích lập dự phòng khoảng phải thu khoảng 11,3 tỷ đồng. Bên cạnh đó số liệu ghi nhận tại thời điểm 31/12/2020 hàng tồn kho 19,5 tỷ và các khoản tiền trả trước 662 triệu là rất cao. Trong khi đó, tổng nợ ngắn hạn có giảm so với năm 2019 (tương đương khoảng 901 triệu đồng) nhưng giảm rất ít so với tài sản ngắn hạn, vì vậy cả hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh đều giảm so với năm 2017, 2018, 2019 dao động khoảng 0,9%; điều này cho ta thấy khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty đang rất yếu.

➤ Năm 2020, Công ty sử dụng tỷ lệ nợ cao trong cơ cấu vốn của mình với tỷ lệ nợ/tổng tài sản là 79,05% , trong khi từ năm 2017 - 2019 tỷ lệ nợ trung bình là 69,16%. Nợ của Công ty chủ yếu từ hoạt động vay ngắn hạn và dài hạn.

➤ Chỉ tiêu vòng quay Hàng tồn kho của năm 2020 giảm 0,49 vòng so với năm 2019, số liệu hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm 2020 cao khoảng 19,5 tỷ đồng giảm so với năm 2019 do trong năm 2020 đã thực hiện quyết toán các công trình dở dang và tài chính không ổn định nên ít nhập hàng hóa về kinh doanh. Chỉ số vòng quay tổng tài sản không tăng giảm còn 0,64 vòng. Hệ số này nhỏ hơn 1 cho thấy tình hình tài chính của Công ty rất khó khăn trong việc hoàn trả các khoản nợ khi đáo hạn.

⇒ Tất cả các hệ số thuộc nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời đều âm do năm 2020 Công ty bị lỗ khoảng 18 tỷ đồng. Về nguyên nhân dẫn đến thua lỗ trong năm 2020 sẽ được trình bày tại Báo cáo của Ban Giám đốc công ty.

II. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG:

1. Cổ phần:

Vốn điều lệ: 40.490.060.000 đồng

Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 4.049.006 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cổ phiếu thường: 4.049.006 cổ phiếu

Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 4.049.006 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

2. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 06/04/2021:

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	208	99,05%
	Cổ đông nhà nước	1	0,47%
	Cổ đông tổ chức	1	0,47%
	Cổ đông cá nhân	206	98,11
2	Cổ đông nước ngoài	2	0,95%
	Cổ đông tổ chức	1	0.47%
	Cổ đông cá nhân	1	0.48%
3	Cổ phiếu quỹ	-	-
	Tổng cộng	210	100%

3. Danh sách cổ đông lớn tính đến thời điểm ngày 06/04/2021:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Phân loại cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước đại diện là:	Nhà nước	2.014.626	49,76
	Mai Thị Thanh Thủy		769.311	19,00
	Phạm Tường Vi		688.331	17,00
	Đình Hoàng Vinh		556.984	13,76
2	Phạm Quốc Bình	Cổ đông lớn	259.500	6,41
3	Ngô Hữu Tài	Cổ đông lớn	270.126	6,67

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

Các chứng khoán khác: không có

CHƯƠNG 4: BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**I. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUYÊN VẬT LIỆU (dùng trong công tác sản xuất gạch terrazzo):**

STT	Tên NVL	ĐVT	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1	Đá mi bụi	m3	636	154.664.172	354	74.238.338	269.5	57.517.931
2	Cát vàng	m3	136	8.378.876	189	13.142.939	257	16.107.440
3	Đá hạt	kg	149.250	150.864.460	93.080	85.412.833	92.599	80.024.577
4	Bột đá	kg	4.859	90.800.953	92.200	61.724.301	98.335	73.639.770
5	Bột màu	kg	3.822	147.432.739	2.121	62.222.103	1.597	47.156.577
6	Xi măng đen	kg	308.250	364.414.204	198.150	237.332.920	107.700	127.814.167
7	Xi măng trắng	kg	20.250	59.607.550	11.750	34.800.651	7.500	22.644.597
TỔNG CỘNG		đồng		976.162.954		568.874.085		424.905.059

*** Phương án tiết kiệm, tái chế NVL trong tương lai:**

Công ty đã xây dựng định mức sử dụng nguyên vật liệu cụ thể trong thực tế sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu đầu vào cho từng đơn vị sản phẩm. Từng tháng có kiểm tra lượng nguyên vật liệu thực tế sử dụng và định mức qui định để điều chỉnh kịp thời. Đồng thời, do đặc thù nguyên vật liệu sản xuất chỉ sử dụng một lần và không thể tái chế nên không xây dựng kế hoạch tái chế.

II. TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG DÙNG CHO SẢN XUẤT TRONG NĂM:*** Phương án sử dụng năng lượng tiết kiệm:**

Năm 2020 Công ty đã ngừng việc sản xuất gạch nung đốt bằng lò thủ công truyền thống vì vậy đã ngừng thải tạp khí gây ô nhiễm môi trường. Hiện nay, Công ty tập trung vào mảng sản xuất gạch bê tông các loại. Để sản xuất gạch bê tông các loại nguồn năng lượng chủ yếu là điện, nước (không đáng kể). Trước bối cảnh hiện nay, Công ty đã xây dựng phương án bố trí nhân sự phù hợp với vị trí từng giai đoạn sản xuất nhằm nâng cao tối đa năng suất sản xuất, tuy nhiên vẫn thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị không để máy hoạt động quá công suất quy định. Việc này được toàn bộ nhân viên, công nhân tại xưởng sản xuất chấp hành nghiêm chỉnh, có kiểm tra, giám sát liên tục.

III. CÁC CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Có chế độ bồi dưỡng, lương làm thêm đối với nhân viên, công nhân đang làm việc tại Công ty (bằng tiền hoặc hiện vật) tùy vào nhu cầu công việc từng giai đoạn;

Hàng năm Công ty có tập huấn nghiệp vụ kỹ thuật an toàn - vệ sinh lao động;

Tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm cho toàn thể người lao động (bao gồm BHXH, BHYT, BHTN, BH tai nạn con người...)

Chế độ làm việc: 08 giờ/ngày, 44 giờ/tuần

1. Chính sách lương, thưởng:

Công ty thực hiện chế độ tiền lương theo đúng quy chế tiền lương của Công ty; đảm bảo cho cán bộ nhân viên tại từng bộ phận khác nhau được hưởng thu nhập tương xứng với từng vị trí công việc được phân công. Chế độ thưởng cho cán bộ nhân viên được Ban Điều hành xây dựng dựa trên kết quả kinh doanh trình ĐHCĐ/HĐQT hàng năm quyết định mức thưởng phù hợp cho Ban Điều hành, Cán bộ quản lý và từng Cán bộ nhân viên của công ty.

Phối hợp với các tổ chức đoàn thể như công đoàn, chi đoàn tổ chức các buổi sinh hoạt, liên hoan lành mạnh cho cán bộ nhân viên được giải trí sau những giờ làm việc căng thẳng.

2. Chế độ bảo hiểm:

Người lao động tại Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre đều được tham gia các chế độ bảo hiểm theo đúng quy định hiện hành.

3. Chính sách tuyển dụng:

Hiện nay, Công ty đang trong giai đoạn tinh giảm biên chế nhằm tiết giảm chi phí tiền lương, đồng thời đánh giá năng lực của toàn bộ cán bộ nhân viên, bố trí đúng người đúng việc, phát huy hết năng suất lao động của người lao động. Do đó, công ty mở rộng các tiêu chí tuyển dụng hơn so với những năm trước đây, nhằm tuyển chọn những người có năng lực thực sự vào làm việc tại công ty.

IV. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG:

Là đơn vị hoạt động trên địa bàn tỉnh Bến Tre, VXB luôn phối hợp cùng các cơ quan, ban ngành tại địa phương cung ứng đầu vào cho các dự án hạ tầng, phục vụ cộng đồng, các dự án an sinh xã hội trong khu vực.

Đồng thời cung cấp nguyên liệu ổn định, chấp lượng cho các công trình và cho nhu cầu nhà ở của người dân Bến Tre. Ban Điều hành Công ty tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức đoàn thể làm tốt công tác giáo dục chính trị, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước cho cán bộ nhân viên. Tham gia hỗ trợ, ủng hộ các phong trào gây quỹ vì trẻ thơ, chất độc màu da cam,....

V. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ MÔI TRƯỜNG: Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, xử lý chất thải, rác thải đúng theo qui định hiện hành để tránh phát sinh vấn đề khiếu nại về môi trường.

CHƯƠNG 5: BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

(ĐVT: ngàn đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	So sánh (%)	
				TH2020/ TH2019	TH2020 / KH2020
Tổng doanh thu	134.212.159	163.415.810	97.806.828	-27%	-40%
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	131.281.050	163.038.538	96.875.375	-26%	-40,6%
Thu nhập khác	2.828.365	327.272	876.873	-88%	168%
Thu nhập hoạt động tài chính	102.745	50.000	54.580	-47%	9%
Tổng chi phí	146.790.133	162.067.803	115.842.237	-22%	-29%
Lợi nhuận trước thuế	(12.577.974)	1.348.007	(18.035.408)	43%	-1.438%
Nộp ngân sách	3.763.743	4.000.000	1.812.611	-51,84%	-54,68%

❖ Tổng doanh thu năm 2020 sụt giảm 27% so với TH2019 và giảm 40% so với KH2020 đã trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trong đó:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: giảm 26% so với TH2019, giảm 40,6% so với KH2020 do nguồn tài chính không ổn định.

+ Thu nhập hoạt động tài chính: là các khoản thu nhập từ lãi tiền gửi, lãi bảo lãnh dự thầu, chiết khấu thanh toán đúng hạn...giảm 47% so với TH 2019, tăng 9% so với KH2020.

+ Thu nhập khác: là các khoản thu nhập từ thanh lý tài sản cố định, nhập dôi kho, chiết khấu thương mại, và phí liên danh đấu thầu...giảm 88% so với TH2019 và tăng 168% so với KH2020.

=> Tổng doanh thu sụt giảm là chủ yếu sụt giảm ở doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

❖ Tổng chi phí năm 2020 giảm 22% so với TH2019, giảm 29% so với KH 2020. Chi phí giảm do doanh thu giảm, tuy nhiên tốc độ giảm chi phí không đáng kể so với tốc độ giảm của doanh thu (*trong khi, doanh thu giảm 28% so với KH thì chi phí chỉ giảm 22%*). Bên cạnh đó, trong năm 2020 Công ty trích lập dự phòng khoảng 6,5 tỷ nợ khó đòi, nợ quá hạn. Điều này, dẫn đến việc LNTT lỗ 18.025 tỷ đồng.

❖ Những tồn đọng về tài chính trong năm 2020:

- Tình hình tài chính những tháng đầu năm 2020 bị mất cân đối do khoản lỗ 12 tỷ đồng từ năm 2019 chuyển sang. Chi phí lãi vay của Công ty trong năm 2020 là 7,173 tỷ đồng (*chiếm tỷ trọng 6% trên tổng chi phí của Công ty*).

- Chi phí quản lý của Công ty trong năm 2020 là 12,91 tỷ đồng tăng so với năm 2019

nguyên nhân chủ yếu ở việc quản lý công nợ phải thu của Ban Điều hành giai đoạn trước dẫn đến năm 2020 trích lập quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi là 6,8 tỷ (*trong đó đã thu hồi hoàn nhập được 673 triệu đồng*).

*** PHÂN TÍCH NGUYÊN NHÂN LỖ NĂM 2020:**

☆ Về doanh thu:

(ĐVT: ngàn đồng)

Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
- Doanh thu khai thác cát	15.137.905	-	-
- Doanh thu xây dựng	131.899.109	90.692.862	70.957.397
- Doanh thu KD VLXD	67.192.575	38.882.994	23.417.432
- Doanh thu tái định cư MTA	1.200.640	-	-
- Doanh thu BĐS đầu tư	9.086.192	-	-
- Thành phẩm + Khác	2.206.454	1.705.193	2.500.546
Cộng	226.722.875	131.281.049	96.875.375

➤ **Doanh thu khai thác cát:** đã dừng hoạt động này từ 31/12/2018.

➤ **Doanh thu thi công xây dựng:** tình hình tài chính của công ty đầu năm 2020 không ổn định ảnh hưởng rất lớn đến công tác tham gia đấu thầu các công trình, khối lượng công trình của năm 2020 chủ yếu là khối lượng dang dở của năm 2019 chuyển sang. Trong năm 2020, Công ty chỉ trúng thầu được 02 công trình. Do đó, doanh thu ở mảng hoạt động này sụt giảm 22% so với năm 2019 (*tương đương giảm 19,496 tỷ đồng*).

➤ **Doanh thu kinh doanh VLXD:** giảm 40% (tương đương giảm 15,673 tỷ đồng) bởi các nguyên nhân sau:

+ Nhà phân phối ngày càng nhiều, thị phần ngày càng thu hẹp, mất nhiều khách hàng, có nhiều đối thủ cạnh tranh hơn.

+ Chủ trương năm 2020 của công ty là bán hàng an toàn theo hạn mức nợ cho phép (*công ty đã xây dựng lại hạn mức nợ mới phù hợp với tình hình thực tế về năng lực tài chính của khách hàng và tài chính của Công ty*) dẫn đến làm giảm lượng khách hàng, giảm doanh thu so với các năm trước.

+ Nguồn tài chính của công ty trong năm qua gặp rất nhiều khó khăn, chủ yếu là sử dụng nguồn vốn vay, điều này cũng ảnh hưởng lớn đến việc nhập hàng về để tiêu thụ.

+ Ngoài ra, các ngành hàng khác như hoạt động sản xuất sản phẩm: gạch, tole và gỗ... cũng giảm, hoạt động sản xuất gạch nung đã ngừng trong Quý 3/2019.

➤ **Doanh thu bất động sản:** do năm 2020 không phát sinh

☆ Về chi phí:

Tổng doanh thu năm 2020 giảm 27% so với cùng kỳ, tuy nhiên tổng chi phí chỉ giảm 22% (*không tương ứng với giảm doanh thu*) nên phát sinh lỗ năm 2020. Mặc dù tổng chi phí giảm nhưng lại có những chi phí tăng so với năm 2019, cụ thể như sau:

+ Chi phí tài chính (*chi phí lãi vay*) tăng 741 triệu đồng (*tương ứng 11,43%*) do năm 2020 chủ yếu sử dụng bằng nguồn vốn vay để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như thi công xây dựng.

+ Chi phí trích lập dự phòng nợ khó đòi tăng cao do các khoản nợ khó đòi đã được trích lập dự phòng đầy đủ trong năm 2020 là 11,376 tỷ đồng.

*** BIÊN PHÁP KHẮC PHỤC:**

Qua kết quả kinh doanh cả năm 2020 trên ta thấy nhiều nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận lỗ hơn 18 tỷ. Ngoài những nguyên nhân khách quan ngoài tầm kiểm soát của công ty còn có những nguyên nhân chủ quan nội tại của Công ty cần khắc phục nhằm giảm thiểu tối đa các chi phí nhằm từng bước cân đối lại doanh thu – chi phí cho các năm kế tiếp.

➤ Điều chỉnh mảng kinh doanh vật liệu xây dựng: chỉ kinh doanh những mặt hàng có hiệu quả, củng cố lại thị trường, chủ yếu là thị trường tiêu thụ xi măng.

➤ Tăng cường việc quản lý công nợ, thu hồi tốt công nợ bán hàng và các khoản nợ xấu, giảm nợ quá hạn, giảm khoản trích lập dự phòng, giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

➤ Đẩy mạnh công tác đấu thầu các công trình xây dựng, tăng tỷ lệ trúng thầu sẽ tăng thu tạm ứng theo hợp đồng của các chủ đầu tư, tạo nguồn trả nợ vay ngân hàng và cân đối vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Năm 2021 nếu số lượng công trình xây dựng công ty trúng thầu không đạt theo kế hoạch dự kiến thì công ty sẽ thiếu nguồn vốn như trên và tài chính của công sẽ bị mất cân đối trầm trọng.

➤ Bố trí lại nhân sự theo hướng tinh gọn, chất lượng, hiệu quả gắn liền với thu nhập của người lao động.

➤ Tiếp tục thanh lý tài sản cố định không cần dùng, kém hiệu quả, chi phí sửa chữa cao nhằm tạo nguồn thu, giảm dư nợ vay ngân hàng, giảm lãi vay, cung cấp vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:**1. Tình hình tài sản:***(ĐVT: triệu đồng)*

Khoản mục	31/12/2018		31/12/2019		31/12/2020	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Tài sản ngắn hạn	142.922	70%	98.887	61%	78.198	55,8%
Tài sản dài hạn	62.028	30%	63.947	39%	61.924	44,2%
Tổng tài sản	204.950	100%	162.834	100%	140.122	100%

❖ **Tài sản ngắn hạn:** năm 2020 giảm 5% so với năm 2019, giảm 14% so với năm 2018 là do:

+ Khoản mục dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi năm 2020 tăng 6,219 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019.

+ Khoản mục hàng tồn kho giảm mạnh tương đương 26,445 tỷ đồng do trong năm 2020 thực hiện quyết toán các công trình dở dang trong năm 2019 mang sang và tình hình tài chính không ổn định dẫn đến việc nhập hàng hóa về để kinh doanh không nhiều.

❖ **Tài sản dài hạn:** không biến động nhiều.

2. Tình hình nợ phải trả:

(ĐVT: triệu đồng)

Khoản mục	31/12/2018		31/12/2019		31/12/2020	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Nợ ngắn hạn	136.927	94,3%	111.502	96,6%	110.600	99,9%
Nợ dài hạn	8.216	5,7%	3.944	3,4%	170	0,1%
Tổng nợ phải trả	145.143	100%	115.446	100%	110.770	100%

Năm 2020, tổng nợ phải trả của Công ty giảm 4,05% so với năm 2019, giảm 23,68% so với năm 2018. Trong đó:

➤ **Nợ ngắn hạn:** tăng 3,3% so với năm 2019, tăng 5,6% so với năm 2018, nguyên nhân do: khoản mục phải trả người bán ngắn hạn tăng 34,8% (*tương ứng tăng 3,2 tỷ đồng*) và khoản mục người mua trả tiền trước ngắn hạn tăng 26,07% (*tương ứng tăng 1,13 tỷ đồng*)

➤ **Nợ dài hạn:** giảm 3,3% so với năm 2019, giảm 5,6% so với năm 2018 cho thấy đã có sự dịch chuyển từ nợ dài hạn sang nợ ngắn hạn, dẫn đến áp lực trả nợ sẽ tăng.

III. NHỮNG CẢI TIẾN TRONG NĂM 2020:

1. Cải cách về cơ cấu tổ chức:

Cơ cấu tổ chức không thay đổi nhưng tập trung vào tinh gọn bộ máy tối đa nhằm tăng năng suất lao động, tăng thu nhập từng cá nhân, giảm tổng quỹ tiền lương, bảo hiểm...

2. Chính sách quản lý - điều hành:

✓ Cải cách chính sách quản lý theo hướng khoán thu nhập gắn liền với sản lượng, doanh thu, định mức lại chi phí SXKD nhằm gia tăng tăng doanh số, tiết giảm tối đa chi phí.

✓ Phân cấp phân quyền, phân trách nhiệm cụ thể cho từng cấp quản lý. Họp giao ban định kỳ, đột xuất nhằm ra quyết định nhanh chóng, kịp thời.

✓ Áp dụng công nghệ thông tin vào hỗ trợ quản lý điều hành giảm thiểu báo cáo giấy.

3. Chiến lược phát triển sản phẩm:

- Thực hiện chiến lược mở rộng thị trường và bán hàng linh động theo diễn biến thị trường nhưng đảm bảo chính sách thu nợ luân chuyển nhanh, không để nợ chậm thu, khó đòi.
- Nâng cao chất lượng, tiến độ thực hiện công trình để đảm bảo uy tín trên thị trường xây dựng.
- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án bất động sản để thu hồi vốn đầu tư và sinh lợi.

4. Cách thức quảng bá thương hiệu:

- Quảng bá sản phẩm trên các phương tiện truyền thông phổ biến, tiếp cận nhanh với đại lý, người tiêu dùng...

IV. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021:*(ĐVT: ngàn đồng)*

CHỈ TIÊU	Thực hiện 2019	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	So sánh (%)	
				KH2021/ TH2020	KH 2021 /TH2019
Tổng doanh thu	131.383.794	97.806.828	92.684.276	-7%	-32%
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	131.281.049	96.875.375	89.815.976	-7%	-32%
Thu nhập khác	2.828.365	876.873	2.818.300	221%	-0,4%%
Thu nhập hoạt động tài chính	102.745	54.580	50.000	-8%	-51%
Tổng chi phí	146.790.133	115.842.237	91.506.265	-37%	-21%
Lợi nhuận trước thuế	-12.577.972	-18.035.410	1.178.011	107%	109%
Nộp ngân sách	3.763.743	1.812.611	4.000.000	0,63%	120,7%

Ban Giám Đốc Công ty đề ra các chỉ tiêu kế hoạch 2021 như sau:

1. Kinh doanh vật liệu xây dựng:*(ĐVT: ngàn đồng)*

CHỈ TIÊU	Thực hiện 2019	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	So sánh (%)	
				KH2021/ TH2020	KH 2021 /TH2020
Tổng doanh thu	38.882.994	23.004.937	3.103.816	-87%	-92%
Tổng chi phí	45.005.775	28.891.213	4.682.547	-89,6%	83,8%
Lợi nhuận trước thuế	-6.122.781	-5.886.276	-1.578.731	-73%	-74%

✓ Nhanh chóng cải tiến các chính sách bán hàng và quản lý công nợ theo hướng vừa ổn định doanh thu và thu hồi nợ, luân chuyển vốn một cách lành mạnh.

✓ Tăng cường khâu chăm sóc khách hàng nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng ở tất cả các khâu trước, trong và sau bán hàng.

✓ Cải tiến chính sách trả lương, thưởng cho người lao động gắn chặt với sản lượng sản xuất – tiêu thụ - doanh số hàng hàng nhằm kích thích người lao động phát huy sáng kiến, cải tiến phương pháp làm việc, tăng năng suất lao động.

2. Hoạt động thi công san lấp xây dựng:

(ĐVT: triệu đồng)

CHỈ TIÊU	Thực hiện 2019	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	So sánh (%)	
				KH2021/ TH2020	KH 2021 /TH2020
Tổng doanh thu	90.453.485	70.957.397	68.249.184	-4%	-25%
Tổng chi phí	96.693.190	82.684.267	78.603.463	-18,7%	-4,9%
Lợi nhuận trước thuế	-6.239.705	-11.726.870	-10.354.279	-12%	66%

Lĩnh vực thi công xây dựng là lĩnh vực chủ lực mang về doanh thu và lợi nhuận trong thời gian tới. Công ty sẽ chú trọng thực hiện các nhiệm vụ, đề ra các giải pháp trong thời gian tới để hoạt động thi công xây dựng phát huy hiệu quả tốt nhất trong tình hình cạnh tranh gay gắt của thị trường xây dựng hiện nay, cụ thể như sau:

✓ Cải tiến công tác dự thầu từ khâu cập nhật thông tin mời thầu, lập hồ sơ dự thầu... trong ngoài tỉnh một cách nhanh chóng, chính xác nhằm ổn định và gia tăng doanh thu xây dựng nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả lợi nhuận của thi công .

✓ Lập kế hoạch cung ứng kịp thời cho các công trình thi công đúng tiến độ, dự báo giá cả vật liệu xây dựng, nhân công ... hạn chế tình trạng bị đội giá làm giảm lợi nhuận Công trình.

✓ Quản lý chi phí, tài chính và xây dựng kế hoạch phân bổ vốn cho từng công trình theo từng thời điểm phù hợp với tình hình tài chính của đơn vị.

✓ Xây dựng các biện pháp quản lý tiến độ thi công, chất lượng công trình. Tăng cường công tác phối hợp giữa các bộ phận để lập kế hoạch sử dụng vật tư ngắn hạn, trung hạn, dài hạn sát theo tiến độ thi công. Việc làm này không những tạo sự chủ động trong việc cung cấp vật tư mà còn hạn chế phát sinh tăng giá vật tư của các công trình.

✓ Cải tiến công tác quyết toán nội bộ, quyết toán với chủ đầu tư ... nhằm rút ngắn thời gian giải ngân, quyết toán các công trình, đảm bảo vốn luân chuyển phục vụ thi công.

3. Hoạt động sản xuất gạch Terrazzo Đồng Khởi:*(ĐVT: triệu đồng)*

CHỈ TIÊU	Thực hiện 2019	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	So sánh (%)	
				KH2021/ TH2020	KH 2021 /TH2020
Tổng doanh thu	857.542	1.033.044	270.417	-74%	-68%
Tổng chi phí	859.328	1.073.147	321.487	-62,6%	-70%
Lợi nhuận trước thuế	-1.786	-40.103	-51.070	27%	2.759%

Duy trì hoạt động sản xuất gạch để cung ứng cho các công trình nội bộ của Công ty, sau khi hoàn thành các đơn hàng đang dở sẽ đề xuất dừng hoạt động này.

4. Dự án Phú Tân: ghi nhận một phần doanh thu từ hoạt động này như sau:

Doanh thu: 16.791.885.824 đồng

Giá vốn: 5.375.444.058 đồng

Lãi gộp: 14.416.441.766 đồng

V. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI:

- Công ty cam kết triển khai và thực hiện công tác bảo vệ môi trường, tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường đối với tất cả các bộ công nhân viên trong quá trình làm việc tại Công ty. Các công tác giám sát và xử lý chất thải được Công ty quan tâm và áp dụng phòng chống và xử lý kịp thời. Do đó, trong năm 2020: Công ty không có trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Bên cạnh đó, Công ty cũng bảo đảm đào tạo chuyên ngành, chăm lo sức khỏe và khuyến khích nhân viên làm việc, phản hồi và chia sẻ nguyện vọng hay đóng góp các ý kiến đổi mới; đảm bảo việc làm và duy trì ổn định mức thu nhập trong tình hình kinh tế khó khăn hiện nay.

- Công ty trích quỹ và vận động cán bộ công nhân viên đóng góp vào quỹ địa phương, giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn; tổ chức các đợt công tác xã hội; ủng hộ khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, xây nhà tình nghĩa, cầu đường, giao thông nông thôn, nuôi dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng hỗ trợ người nghèo tỉnh Bến Tre đi vùng kinh tế mới, ủng hộ quỹ khuyến học....

CHƯƠNG 6: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Những hoạt động chính của HĐQT trong năm 2020 :

a/ Hàng tháng, HĐQT tiến hành họp định kỳ và bất thường, trong phiên họp, HĐQT nghe BGD báo cáo và chỉ đạo về các vấn đề :

- Tình hình hình thực hiện và kế hoạch sản xuất, kinh doanh, thi công xây dựng... định kỳ hàng tuần, hàng tháng, quý, năm.
- Tình hình tài chính định kỳ hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm.
- Công tác tổ chức, hành chính, nhân sự.
- Việc thu hồi nợ định kỳ 02 tuần/lần.
- Xây dựng các Qui chế thi công xây dựng, qui chế khoán thi công, qui chế quản lý nợ phải thu.

Theo đó, HĐQT đã kịp thời đưa ra những ý kiến đóng góp, chỉ đạo BGD điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh cho Công ty.

b/ Ngoài các nội dung trên, HĐQT Công ty xem xét và thống nhất trình lên ĐHCĐ thường niên các vấn đề sau: Báo cáo HĐQT, Báo cáo Ban Kiểm soát, Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, Thù lao của HĐQT và BKS, Kế hoạch tài chính năm kế tiếp và các nội dung khác thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông (viết tắt là ĐHCĐ), ủy quyền cho HĐQT quyết định phương án thực hiện dự án Phú Tân.

Với kết quả hoạt động SXKD đã đạt được, HĐQT đã thực hiện theo đúng tinh thần các nghị quyết ĐHCĐ, các quy định tại Điều lệ, quy định hiện hành của pháp luật; từng bước giải quyết những tồn tại vướng mắc tại Công ty.

2. Về hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc (viết tắt là BGD):

HQĐT thường xuyên giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông (viết tắt là ĐHCĐ) và HĐQT, giám sát các hoạt động của Ban giám đốc. HĐQT đã chỉ đạo ban Giám đốc một số nội dung chính như sau :

HQĐT thường xuyên xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế để có biện pháp chỉ đạo BGD thực hiện các chỉ tiêu do

ĐHCD và HĐQT đưa ra.

Rà soát, đơn đốc thu hồi công nợ vật liệu xây dựng, công nợ của các đội thi công, trích lập dự phòng, quản lý chi phí, lao động, tiền lương.

Giám sát việc thực hiện Nghị quyết, Biên bản họp do ĐHCĐ và HĐQT đề ra.

Xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2021 trình ĐHCĐ thường niên năm 2021.

Rà soát, có ý kiến chỉ đạo về việc triển khai các dự án của Công ty: dự án Phú Tân, dự án chợ Mỹ Thạnh An, việc cho thuê tài sản của Công ty.

Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG:

(Đơn vị tính: 1.000 đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	So sánh (%)	
				TH2020/ TH2019	TH2020 / KH2020
Tổng doanh thu	134.212.159	163.415.810	97.806.828	-27%	-40%
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	131.281.050	163.038.538	96.875.375	-26%	-40,6%
Thu nhập khác	2.828.365	327.272	876.873	-88%	168%
Thu nhập hoạt động tài chính	102.745	50.000	54.580	-47%	9%
Tổng chi phí	146.790.133	162.067.803	115.842.237	-22%	-29%
Lợi nhuận trước thuế	(12.577.974)	1.348.007	(18.035.408)	43%	-1.438%
Nộp ngân sách	3.763.743	4.000.000	1.812.611	-51,84%	-54,68%

*** Kết quả đã đạt được:**

- Chỉ đạo, giám sát Ban Giám đốc thực thi các nhiệm vụ được giao:
- + Hạch toán kế toán, quyết toán các công trình theo đúng quy định.

- + Không được tạm ứng vượt theo hợp đồng khoán.
- + Đôn đốc thu hồi công nợ, làm rõ trách nhiệm tập thể cá nhân trong việc gây ra công nợ và đưa ra giải pháp thu hồi.
 - Chỉ đạo xây dựng và thông qua các qui chế, qui trình như Quy chế quản lý công nợ phải thu, Quy chế quản lý thi công, Quy chế khoán thi công...nhằm quản lý hoạt động của Công ty đúng theo quy định.
 - Kiện toàn nhân sự Ban Điều hành để đáp ứng yêu cầu công việc tại từng thời điểm.
 - Chỉ đạo Ban Điều hành có các phương án cắt giảm chi phí: chuyển trụ sở, tận dụng các cơ sở để cho thuê, cắt giảm nhân sự...
 - Dự án Phú Tân và dự án Chợ Mỹ Thạnh An: rà soát lại pháp lý, làm việc với các đối tác, cơ quan ban ngành (UBND tỉnh, UBND thành phố và các Sở ban ngành...) để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án. Đề xuất thay đổi mục đích sử dụng từ Chợ sang đất thương mại dịch vụ. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan, đến nay UBND tỉnh vẫn chưa có quyết định phê duyệt việc thực hiện 2 dự án này.
 - Mở rộng mối quan hệ nhằm tìm kiếm sự hỗ trợ của các đối tác, nhà cung cấp và các cơ quan chức năng trong thời gian công ty gặp khó khăn.

*** Những mặt chưa đạt được:**

- Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh giảm 40% so với kế hoạch và 27% so với thực hiện năm 2020, lợi nhuận của Công ty sụt giảm mạnh lỗ 18,035 tỷ đồng tăng 43% so với thực hiện năm 2020, không đạt kế hoạch 2021.
- Tất cả hoạt động kinh doanh của Công ty đều lỗ: KD vật liệu xây dựng lỗ 5,4 tỷ đồng; sản xuất vật liệu xây dựng (gạch, tole xà gò) lỗ 44 triệu đồng; hoạt động vận tải lỗ 1,4 tỷ đồng; hoạt động thi công xây dựng lỗ 11,7 tỷ đồng.
- Nợ phải thu: mặc dù đã liên tục làm việc trực tiếp với nguyên Giám đốc, các đội thi công nhưng tỷ lệ thu nợ vẫn chưa cao.
- Hàng tồn kho: liên tục đôn đốc Ban Điều hành thực hiện quyết toán các công trình dở dang để xác định khối lượng, giá trị của các công trình. Trong năm 2020, hàng tồn kho tăng giảm từ 46 tỷ đồng xuống còn 19,5 tỷ đồng nhưng do khi quyết toán thì các đội lại nợ công ty nên nợ phải thu khác tăng từ 13,7 tỷ lên 23,4 tỷ đồng. Căn cứ tuổi nợ, trích lập dự phòng tăng từ 5,1 tỷ lên 11,4 tỷ đồng. Do đó, trong năm 2020, HĐQT chỉ đạo Ban Giám đốc đưa các hồ sơ công nợ ra tòa để đòi nợ. Tuy nhiên, Công ty phải thực hiện theo quy trình tố tụng nên đến nay mới thu được 2,7 tỷ đồng.

III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021:

1. ĐỊNH HƯỚNG CHUNG :

- Tập trung xử lý công nợ, tăng cường công tác quản lý dòng tiền.
- Ưu tiên tập trung đơn đốc các cơ quan ban ngành phê duyệt thực hiện 02 dự án khu đô thị mới Phú Tân và dự án Chợ Mỹ Thạnh An.

2. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021:

2.1. Chỉ tiêu tài chính:

- Doanh thu: 89.815.976.635 đồng
- Lợi nhuận: 1.178.010.644 đồng

2.2. Hoạt động kinh doanh chung:

- Tiếp tục chỉ đạo, kiểm tra giám sát hoạt động của Ban Điều hành theo quy định, tổ chức họp định kỳ để thảo luận và đưa ra chỉ đạo kịp thời cho hoạt động điều hành.

- Đơn đốc thu hồi công nợ phải thu khó đòi: đối với những khách hàng cố tình không thanh toán sẽ thuê đơn vị thứ ba để thu hồi hoặc đưa ra tòa án để xử lý; đối với những khoản tạm ứng nội bộ không thanh toán theo đúng thời hạn sẽ thực hiện trừ lương hàng tháng hoặc sử dụng biện pháp khác; tiếp tục theo kiện các đội thi công chưa hoàn trả công nợ cho Công ty.

- Tiếp tục rà soát, làm rõ trách nhiệm của Ban Điều hành trong việc để công nợ phải thu lớn.

- Rà soát lại phương án Đầu tư xây dựng Chợ Mỹ Thạnh An (xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre) để phát huy hiệu quả hoạt động.

- Đơn đốc các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Dự án khu đô thị mới Phú Tân.

- Rà soát, thẩm định và trình ĐHCĐ phương án tái cơ cấu với một số định hướng theo đề xuất của Giám đốc Công ty như sau:

+ Thu hẹp mảng kinh doanh vật liệu xây dựng, cắt giảm chi phí và tìm kiếm các đối tác để hợp tác kinh doanh, duy trì hoạt động của Công ty.

+ Rà soát lại các cơ sở nhà đất của Công ty, xem xét việc bán/hợp tác kinh doanh khu đất Kho Mỹ An, bán trụ sở Công ty ở Khu Tái định cư Mỹ Thạnh An và Chợ Mỹ Thạnh An.

CHƯƠNG 7: BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY:**I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:****1. Danh sách thành viên HĐQT:**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu tham gia HĐQT	Ngày không còn tham gia HĐQT	Ghi chú
1	Mai Thị Thanh Thủy	Chủ tịch HĐQT	15/06/2018		
2	Nguyễn Văn Thạnh	Thành viên HĐQT	15/06/2018		
3	Lê Đình Nhiên	Thành viên HĐQT	15/06/2018	30/06/2020	
4	Nguyễn Hoài Yên	Thành viên HĐQT	31/05/2019	30/06/2020	
5	Phạm Tường Vi	Thành viên HĐQT	31/05/2019		
6	Đình Hoàng Vinh	Thành viên HĐQT	30/06/2020		Có đơn từ nhiệm

1.2 Lý lịch thành viên HĐQT:**Bà Mai Thị Thanh Thủy - Chủ tịch HĐQT:**

Năm sinh	1981
Nơi sinh	Hải Phòng
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kinh doanh quốc tế
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	769.311 cổ phiếu
• Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
• Số cổ phần đại diện sở hữu	769.311 cổ phiếu, chiếm 19% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Văn Thạnh - Thành viên HĐQT:

Năm sinh	1957
Nơi sinh	Bến Tre
Trình độ chuyên môn	Trung cấp cơ khí
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	49.301 cổ phiếu
• <i>Số cổ phần cá nhân sở hữu</i>	49.301 cổ phiếu, chiếm 1,22% vốn điều lệ
• <i>Số cổ phần đại diện sở hữu</i>	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Bà Phạm Tường Vi - Thành viên HĐQT

Năm sinh	1980
Nơi sinh	Đà Nẵng
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	699.331 cổ phiếu
• <i>Số cổ phần cá nhân sở hữu</i>	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
• <i>Số cổ phần đại diện sở hữu</i>	699.331 cổ phiếu, chiếm 17% vốn điều lệ

Ông Đinh Hoàng Vinh - Thành viên HĐQT:

Năm sinh	1965
Nơi sinh	Vĩnh Long
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế hoạch hóa kinh tế quốc dân
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	556.984 cổ phiếu
• <i>Số cổ phần cá nhân sở hữu</i>	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
• <i>Số cổ phần đại diện sở hữu</i>	556.984 cổ phiếu, chiếm 13,76% vốn điều lệ

2. Các phiên họp của Hội đồng quản trị: HĐQT bao gồm 05 thành viên và đã tổ chức 27 cuộc họp (từ tháng 01 đến tháng 12). Cụ thể như sau :

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Bà Mai Thị Thanh Thủy	Chủ tịch	27	100%	
2	Ông Nguyễn Văn Thạnh	Thành viên	27	100%	
3	Ông Lê Đình Nhiên	Thành viên	08	100%	Miễn nhiệm theo NQ ĐHCĐ thường niên năm 2020
4	Ông Nguyễn Hoài Yên	Thành viên	21	100%	Có đơn từ nhiệm
5	Bà Phạm Tường Vi	Thành viên	14	51,9%	Vắng do bận đi học tại nước ngoài
6	Ông Đinh Hoàng Vinh	Thành viên	19	70,4%	Bổ nhiệm theo NQ ĐHCĐ thường niên năm 2020

3. Các Quyết định/Nghị quyết:

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định.	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2020/NQ- HĐQT	24/03/2020	<p>- Không thông qua Tờ trình 18/2020/TT.BGD ngày 12/02/2020 của Giám đốc Công ty về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Khu Tái định cư Mỹ Thạnh An và Kho Mỹ An của Công ty.</p> <p>- Ban Điều hành Công ty khẩn trương tập trung các giải pháp thu hồi công nợ, giải phóng hàng tồn kho, cương quyết xử lý trách nhiệm của các tập thể, cá nhân liên quan đến các khoản tổn thất, thu lỗ do nguyên nhân chủ quan trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh phát sinh trước năm 2020 của Công ty theo Nghị quyết Đại hội cổ đông và HĐQT; tích cực nghiên cứu các giải pháp cơ cấu lại hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với điều kiện hiện nay của Công ty và thị trường để tăng doanh thu, tạo nguồn thu ổn định và tăng trưởng; tổ chức, sắp xếp lại lao động, quản lý và tiết giảm chi phí, cơ cấu nợ và tài chính để xử lý dứt điểm các khoản nợ quá hạn... nhằm sớm ổn định và gia tăng hiệu quả kinh doanh, đảm bảo lợi ích của cổ đông Công ty.</p>	100%

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định.	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
2	02/2020/NQ- HĐQT	26/04/2020	<p>- Phê duyệt quỹ lương thực hiện năm 2019</p> <p>- Cơ bản thống nhất các giải pháp về xử lý công nợ phải thu của Ban điều hành Công ty tại Tờ trình 46/2020/TT.BGD ngày 19/03/2020. Đề nghị Ban điều hành tập trung, quyết liệt thực hiện các giải pháp thu hồi công nợ, cương quyết xử lý trách nhiệm của các tập thể, cá nhân liên quan đến các khoản nợ khó đòi, gây tổn thất cho Công ty. Đồng thời đề nghị Ban điều hành xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể và báo cáo định kỳ việc thực hiện thu hồi công nợ để HĐQT biết và có ý kiến chỉ đạo kịp thời.</p> <p>- Cơ bản thống nhất Báo cáo số 43/2020/BC.BGD ngày 16/03/2020 của Giám đốc Công ty về tình hình nhân sự Ban điều hành cũ, Ban thu hồi công nợ. Ban điều hành Công ty có trách nhiệm xử lý các thủ tục liên quan về quan hệ lao động theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ nhưng phải đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty.</p>	100%
3	03/2020/NQ- HĐQT	15/05/2020	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng 04/06/2020	100%
4	04/2020/NQ- HĐQT	12/06/2020	Thông qua Tờ trình số 94/TTr-VLXD ngày 01/06/2020 của Giám đốc Công ty về việc gia hạn các khoản vay ngắn hạn và gia hạn hiệu lực hạn mức tín dụng 2019-2020 của Công ty CP VLXD Bến Tre tại BIDV Bến Tre	100%

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định.	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
5	05/2020/NQ- HĐQT	19/06/2020	Thời gian, địa điểm tổ chức ĐHCĐ thường niên 2020	100%
6	06/2020/NQ- HĐQT	24/06/2020	Thống nhất tài liệu trình ĐHCĐ thường niên 2020	100%
7	07/2020/NQ- HĐQT	19/08/2020	Thông qua kế hoạch vay vốn và bảo lãnh năm 2020-2021 của CTCP Vật liệu xây dựng Bến Tre	100%
8	08/2020/NQ- HĐQT	15/09/2020	Miễn nhiệm, bổ nhiệm Giám đốc Công ty, Phó Giám đốc Công ty	100%
9	09/2020/NQ- HĐQT	15/09/2020	Ủy quyền Giám đốc Công ty tái ký hợp đồng tín dụng	100%
10	10/2020/NQ- HĐQT	14/11/2020	Thông qua Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông	100%
11	11/2020/NQ- HĐQT	03/12/2020	Tái bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty	100%
12	12/2020/NQ- HĐQT	04/12/2020	Chỉ đạo thực hiện các kiến nghị của đoàn công tác SCIC	100%
13	13/2020/NQ- HĐQT	17/12/2020	Thông qua các nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
14	14/2020/NQ- HĐQT	29/12/2020	Thông qua các nội dung trình xin ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%

II. BAN KIỂM SOÁT:

1. Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát:

S T T	Họ và tên	Chức vụ	Ngày tham gia BKS	Ngày không còn tham gia BKS	Ghi chú
1	Lê Thị Kim Nuông	Trưởng BKS	15/06/2018		Bổ nhiệm theo NQ ĐHCĐ thường niên năm 2019
2	Đỗ Thị Kim Anh	Thành viên BKS	15/06/2018		
3	Huỳnh Thị Huệ Thư	Thành viên BKS	03/12/2019	30/06/2020	
4	Cao Minh Nhật	Thành viên BKS	30/06/2020		

*** Lý lịch của các thành viên Ban Kiểm soát:****Bà Lê Thị Kim Nuống - Trưởng Ban Kiểm soát**

Năm sinh	1961
Nơi sinh	Bến Tre
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	65.837 cổ phiếu, chiếm 1,63% vốn điều lệ
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Bà Đỗ Thị Kim Anh - Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh	1973
Nơi sinh	Hải Phòng
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Ông Cao Minh Nhật - Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh	1988
Nơi sinh	Bến Tre
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

2. Các phiên họp của Ban Kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi tham dự họp	Tỉ lệ tham dự họp	Lý do vắng mặt
1	Bà Lê Thị Kim Nuống	Trưởng ban	05	100%	
2	Bà Đỗ Thị Kim Anh	Thành viên	05	100%	
3	Bà Huỳnh Thị Huệ Thư	Thành viên	03	60%	Miễn nhiệm theo NQ ĐHCĐ thường niên 2020
4	Ông Cao Minh Nhật	Thành viên	02	40%	Bổ nhiệm theo NQ ĐHCĐ thường niên 2020

III. THÙ LAO VÀ CÁC GIAO DỊCH:

- Thù lao năm 2019 của HĐQT, BKS đã được ĐHCĐ năm 2020 thông qua và Công ty đã thực hiện chi trả: 148.250.000 đồng.

- Thù lao năm 2020 của HĐQT, BKS đề xuất trong năm 2021: 120 triệu đồng (Chủ tịch HĐQT: 1,5 triệu đồng/tháng, các thành viên HĐQT, BKS và thư ký HĐQT: 1 triệu đồng/tháng).

IV. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ: *Không có*

V. HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH ĐỐI VỚI NGƯỜI NỘI BỘ: *Không có*

CHƯƠNG 8: BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT:**I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2022, có sự thay đổi nhân sự như sau:

1. Ông Huỳnh Hữu Phúc: Trưởng Ban kiểm soát: từ nhiệm ngày 31/5/2019
2. Bà Lê Thị Kim Nuông: - Thành viên Ban kiểm soát: bổ nhiệm 15/6/2018
- Trưởng Ban kiểm soát: từ ngày 31/5/2019
3. Bà Đỗ Thị Kim Anh: Thành viên Ban kiểm soát, bổ nhiệm 15/6/2018
4. Bà Văn Kim Bình: Thành viên Ban kiểm soát: bổ nhiệm ngày 31/5/2019, miễn nhiệm ngày 03/12/2019
5. Bà Huỳnh Thị Huệ Thư: Thành viên Ban kiểm soát: bổ nhiệm ngày 03/12/2019, miễn nhiệm ngày 30/6/2020.
6. Ông Cao Minh Nhật Thành viên Ban kiểm soát: bổ nhiệm ngày 30/6/2020.

Tại ngày 31/12/2020 cho đến thời điểm báo cáo, nhân sự Ban kiểm soát bao gồm 03 thành viên: Bà Lê Thị Kim Nuông (Trưởng ban), Bà Đỗ Thị Kim Anh và Ông Cao Minh Nhật thành viên.

Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ:

Kiểm tra, giám sát việc thực thi pháp luật, Điều lệ của Công ty, việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, bao gồm chế độ bảo hiểm, quyền lợi cho người lao động và các nghĩa vụ tài chính khác.

Kiểm soát hoạt động tài chính Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính (đã kiểm tra BCTC 6 tháng đầu năm 2020, cả năm 2020).

Tham dự đầy đủ và tham gia thảo luận tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, và các cuộc họp về tình hình xử lý công nợ của Công ty, tham gia đóng góp đối với Quy trình, quy chế, văn bản, vụ việc, các vấn đề Công ty đề nghị có ý kiến hoặc tham dự của Ban kiểm soát.

1. Kết quả giám sát tình hình hoạt động kinh doanh năm 2020**1.1. Thẩm định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Đơn vị tính: triệu đồng

T T	Chỉ tiêu	TH 2018	TH 2019	2020		%TH/K H 2020	% CP / ĐT T
				KH	TH		
I	TỔNG DOANH THU	227,886	134,212	163,416	97,807	60%	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	226,723	131,281	163,039	96,875	59%	
2	Doanh thu hoạt động tài chính	29	103	50	55	109%	

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

T T	Chỉ tiêu	TH 2018	TH 2019	2020		%TH/K H 2020	% CP / DT T
3	Thu nhập khác	1,134	2,828	327,273	877	268%	
II	TỔNG CHI PHÍ	226,452	146,790	162,068	115,842	71%	
1	Giá vốn hàng bán	205,682	125,504	148,203	93,451	63%	96 %
2	Chi phí bán hàng	3,715	3,238	2,072	2,022	98%	2%
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9,900	11,511	5,175	12,910	249%	13 %
4	Chi phí tài chính- lãi vay	7,070	6,487	6,500	7,228	111%	7%
5	Chi phí khác	85	50	118	231	196%	
II I	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	1,434	(12,578)	1,348	(18,035)	-1338%	

Tỷ suất lợi nhuận gộp theo từng lĩnh vực kinh doanh:

Khoản mục	TH 2018	TH 2019	2020	
			KH	TH
Mua bán vật liệu xây dựng (hàng hóa)	9%	5.6%	6.11%	3.9%
Khai thác cát	16.1%			
Thành phẩm	8.3%	18.1%	13.5%	14.2%
Thi công xây dựng công trình	8.7%	7.4%	7.7%	4.1%
Vận tải hàng hóa	-185.4%	-227.6%		-63.0%
Kinh doanh bất động sản - khu TĐC	-37.2%			
Kinh doanh bất động sản đầu tư	44.9%			
Khác			100%	100%

+ Doanh thu tập trung chính vào 02 mảng hoạt động kinh doanh: (1) vật liệu xây dựng 23 tỷ đồng, chỉ đạt 54% kế hoạch năm 2020 và 59% thực hiện năm 2019; (2) thi công xây dựng công trình 71 tỷ đồng, chỉ đạt 61% kế hoạch năm 2020 và 78% thực hiện năm 2019.

+ Tổng doanh thu không hoàn thành so với kế hoạch 2020 ĐHCĐ đã giao, doanh thu thực hiện giảm 40%; trong khi đó chi phí giá vốn cao và các khoản chi phí không giảm tương ứng: (i) chi phí bán hàng, (ii) chi phí quản lý, (iii) chi phí lãi vay, những chi phí này có tỷ lệ tăng cao lần lượt 98%, 249%, 111% so với kế hoạch. Doanh thu giảm nhưng chi phí giá vốn chưa đạt tỷ lệ theo kế hoạch, chi phí cố định không giảm tương ứng ngược lại còn tăng cao, dẫn đến lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh lỗ 18.6 tỷ đồng.

Nguyên nhân:

✚ Kinh doanh vật liệu xây dựng: mặt hàng chủ lực là xi măng có lợi nhuận thấp, việc bán hàng chậm thu hồi tiền dẫn đến nợ phải thu lớn ảnh hưởng đến nguồn vốn lưu động, tăng chi phí lãi vay ảnh hưởng nhiều đến giá hàng hóa mua vào dẫn đến việc kinh doanh vật liệu xây dựng có lợi nhuận gộp thấp 3,1%.

✚ Thi công công trình: Thực hiện quyết toán 16 công trình vào tháng 5/2020, những công trình này chậm quyết toán nội bộ với Đội thi công theo Hợp đồng giao khoán, trong đó có 10 công trình sau quyết toán ghi nhận số lỗ là 4 tỷ đồng, dẫn đến lợi nhuận gộp cả năm thấp 4,1%, chỉ tính riêng công nợ phải thu do tạm ứng vượt giá trị khoán thi công cho Đội tại 16 công trình này là 17.3 tỷ đồng, Công ty đã khởi kiện và thu hồi được một phần nợ, tính đến thời điểm báo cáo còn nợ 11,99 tỷ đồng.

✚ Chi phí quản lý và chi phí lãi vay tăng so với kế hoạch: do trích lập dự phòng các khoản phải thu đến hạn nhưng chưa thu hồi được theo quy định và chi lãi vay tăng, dư nợ phải thu cao kéo dài khó thu hồi dẫn đến áp lực nợ vay, lãi vay, do đó, Công ty phải vay cá nhân bên ngoài để đảm bảo đúng hạn trả nợ cho ngân hàng.

=> Kết quả kinh doanh của Công ty có lợi nhuận trước thuế lỗ 18,035 tỷ đồng (kế hoạch lãi 1,348 tỷ đồng), lũy kế đến 31/12/2020 lỗ 29,36 tỷ đồng bằng 73% vốn điều lệ.

1.2. Thẩm định Báo cáo tài chính

- Các số liệu cơ bản về tài sản, nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2020

Dvt: đồng

TÀI SẢN	31/12/2020	01/01/2020	+/-
A. Tài sản ngắn hạn	78,198	98,887	(20,688)
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	3,401	2,619	782
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	66,279	54,849	11,430
3. Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(11,377)	(5,157)	(6,220)
4. Hàng tồn kho	19,514	45,960	(26,446)
5. Tài sản ngắn hạn khác	382	617	(235)
B. Tài sản dài hạn	61,385	63,359	(1,974)
1. Các khoản phải thu dài hạn	1,713	1,713	-
2. Tài sản cố định	11,202	13,044	(1,842)
3. BĐS đầu tư	8,900	8,900	-
4. Tài sản dở dang dài hạn	39,570	39,703	(133)
5. Tài sản dài hạn khác	540	588	(48)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	140,123	162,834	(22,711)
NGUỒN VỐN	-	-	-
A. Nợ phải trả	110,770	115,446	(4,676)
1. Nợ ngắn hạn	110,600	111,502	(902)
2. Nợ dài hạn	170	3,944	(3,774)
B. Vốn chủ sở hữu	29,353	47,388	(18,035)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	140,123	162,834	(22,711)

- Chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2019	31/12/2018
Chỉ tiêu cơ cấu tài sản			
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	44.19%	39.27%	30.26%
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	55.81%	60.73%	69.74%
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	79.05%	70.90%	70.82%
Vốn CSH/Tổng nguồn vốn	20.95%	29.10%	29.18%
Nợ phải trả/VCSH (lần)	3.77	2.44	2.43
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Tỷ số t/t hiện hành (TSLD/NNH) (lần)	0.71	0.89	1.04
Tỷ số t/t nhanh (TSLD-HTK)/NNH (lần)	0.53	0.47	0.83
Khả năng sinh lời			
Hệ số LNST/ TTS BQ (ROA)	- 2.90%	-1.69%	0.13%
Hệ số LNST/ Vốn CSH BQ (ROE)	-12.60%	-5.79%	0.45%
Hệ số LNST/Tổng doanh thu (ROS)	-18.44%	-9.25%	0.48%
Hiệu quả hoạt động			
Vòng quay phải thu khách hàng (lần)	2.35	2.24	2.98
Vòng quay phải trả người bán (lần)	8.35	8.33	10.62
Vòng quay hàng tồn kho (lần)	2.85	3.32	7.63

Tỷ lệ tài sản dài hạn tăng do suy giảm của Tổng tài sản lớn, từ chỉ tiêu giảm hàng tồn kho (các công trình dở dang được đưa vào quyết toán). Công ty đang sử dụng nguồn từ nợ ngắn hạn để tài trợ cho tài sản dài hạn, ảnh hưởng từ việc đầu tư vào Dự án Phú Tân và Chợ Mỹ Thạnh An có giá trị lần lượt 36 tỷ và 6,3 tỷ đồng. Mất cân đối về tài chính giữa tỷ số Nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 32 tỷ đồng, cho thấy khả năng thanh toán của Công ty ngày càng khó khăn.

Tỷ lệ nợ phải trả / VCSH tăng cao so với các năm trước, tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là 3,77 lần, tỷ lệ này được HĐQT phê duyệt ở mức 2,3 lần.

Vốn chủ sở hữu còn lại 29,35 tỷ đồng giảm 28% so với vốn điều lệ của Công ty 40,49 tỷ đồng, đã suy giảm số tiền tương đương 11,14 tỷ đồng.

Báo cáo tài chính (BCTC) bán niên và cả năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ được ký phát hành ngày 20/3/2021. Trong đó, đơn vị kiểm toán đã nhận xét Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty. Bên cạnh đó, đơn vị kiểm toán đã lưu ý 02 vấn đề: (1) Công ty có nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 32,4 tỷ đồng, là các khoản nợ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty; (2) Dự án Khu tái định cư Phú Tân đã ngưng hoạt động theo Quyết định 90/QĐ-SKHĐT của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre với giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2020 là 35.836.293.720 đồng, và Công ty đang chờ quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc triển khai dự án Khu đô thị mới Phú Tân.

1.3. Chế độ chính sách, tiền lương

Nghĩa vụ thực hiện chế độ BHXH, BHYT, BHTN trong năm cho cán bộ nhân viên, tính đến 31/12/2020, Công ty thanh toán đến tháng 10/2020 cho Cơ quan BHXH, tại thời điểm báo cáo đã thanh toán đầy đủ.

Thang bảng lương áp dụng cho năm 2020, Công ty đã đăng ký với Phòng lao động – Thương Binh và xã hội tỉnh Bến Tre.

Tổng số lao động tính đến 31/12/2020 là 55 người (cán bộ quản lý: 03 người, người lao động: 52 người). Lao động bình quân cả năm 2020 là 56 so với năm 2018, 2019 giảm lần lượt 56 người, 29 người.

Bảng tổng hợp Quỹ tiền lương năm 2020:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	TH 2017	TH 2018	TH 2019	TH 2020
A. Người lao động				
Quỹ lương	7,104,300,000	6,240,642,990	4,991,134,952	3,439,981,540
Số lượng lao động BQ (người)	121	112	85	56
Tiền lương BQ (người/tháng)	4,892,769	4,643,336	4,893,270	5,119,020
B. Người quản lý chuyên trách (*)				
Quỹ lương	1,001,700,000	885,008,700	771,514,232	815,676,300
Số lượng BQ (người)	6	6	5	4,5
Tiền lương BQ (người/tháng)	13,912,500	12,291,788	12,858,571	15,105,117
(A+B): Tổng quỹ lương	8,106,000,000	7,125,651,690	5,762,649,184	4,225,657,840

(*) *Quỹ tiền lương của Người quản lý, bao gồm các chức danh: Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Ban kiểm soát).*

Tiền lương năm 2020 được tính dựa trên Hợp đồng lao động đã ký kết. Trong quỹ lương Người quản lý chuyên trách bao gồm 120 triệu đồng tiền lương của Trưởng ban kiểm soát, thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 30/6/2020.

1.4. Thù lao HĐQT, BKS Công ty

Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 30/6/2020 thông qua việc chi trả thù lao HĐQT, BKS của năm 2019 là 150 triệu đồng, ủy quyền HĐQT thực hiện việc phân phối thù lao và thông qua mức tiền lương năm 2020 của Trưởng BKS chuyên trách là 10 triệu đồng/tháng

Tổng tiền thù lao HĐQT, BKS thực chi 148.250.000 đồng.

2. Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**2.1 Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2020**

- Công ty chưa hoàn thành các chỉ tiêu kết quả kinh doanh, tổng doanh thu chỉ đạt 60% kế hoạch, lỗ 18,035 tỷ đồng (nêu tại I, 1.1). Trong năm 2020 không thực hiện việc phân phối lợi nhuận, do kết quả kinh doanh lỗ năm 2019.

- Thù lao HĐQT, BKS thực hiện chi trả trong phạm vi ĐHĐCĐ phê duyệt (nêu tại I, 1.4).

2.2 Tình hình triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu

ĐHČĐ bất thường ngày 03/12/2019 đã thông qua đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2019 – 2023, với một số nội dung:

+ Công ty đã triển khai tinh gọn bộ máy nhân sự với số lượng từ 119 người đến nay còn 55 người.

+ Thanh lý một số phương tiện vận tải đường thủy, đường bộ và xe cơ giới cũ hay hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật.

+ Bất động sản đầu tư (Kho Mỹ An) và tài sản cố định là nhà cửa (trụ sở văn phòng tại Xã Mỹ Thạnh An): chưa triển khai theo đề án

+ 02 mảng kinh doanh chính là kinh doanh vật liệu xây dựng và thi công công trình xây dựng đều chưa đạt được những tiêu chí theo đề án như: Doanh thu, tỷ lệ lợi nhuận, kiểm soát rủi ro đối với công nợ phải thu phát sinh. Cho đến nay, 02 hoạt động này đã có số nợ phải thu cao và tiềm ẩn nhiều rủi ro.

+ Hoạt động đầu tư dự án: (1) Dự án Phú Tân, tiếp tục trong giai đoạn làm việc cùng các cơ quan hữu quan để tiến hành thủ tục pháp lý liên quan đến dự án. (2) Chợ Mỹ Thạnh An, chưa có ý kiến của Cơ quan hữu quan đối với việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất Chợ sang đất Thương mại – dịch vụ; chưa tìm được đối tác để cho thuê/hợp tác.

3. Kiểm soát hoạt động của Hội đồng Quản trị (HĐQT)

HĐQT có các thành viên như sau:

1. Bà Mai Thị Thanh Thủy - Chủ tịch HĐQT
2. Ông Nguyễn Văn Thạnh - Thành viên HĐQT
3. Ông Lê Đình Nhiên - Thành viên HĐQT, miễn nhiệm 30/6/2020
4. Bà Phạm Tường Vi - Thành viên HĐQT, từ ngày 31/5/2019
5. Ông Nguyễn Hoài Yên - Thành viên HĐQT, miễn nhiệm 13/01/2021
6. Ông Đinh Hoàng Vinh - Thành viên HĐQT, từ ngày 30/6/2020
7. Bà Trương Thị Yến - Thành viên HĐQT, từ ngày 13/01/2021

Tại ngày 31/12/2020, HĐQT gồm 05 thành viên: Bà Mai Thị Thanh Thủy – Chủ tịch HĐQT và 04 thành viên – Ông Nguyễn Văn Thạnh, Bà Phạm Tường Vi, Ông Nguyễn Hoài Yên, Ông Đinh Hoàng Vinh.

HĐQT đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 30/6/2020 và tiến hành các thủ tục theo quy định từ tháng 12/2020 đối với phiên họp ĐHČĐ bất thường vào ngày 13/01/2021, thông qua hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

HĐQT thực hiện theo đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm được giao tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vật Liệu Xây dựng Bến Tre đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

HĐQT thường xuyên giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHČĐ và HĐQT. Chỉ đạo và giám sát Ban giám đốc Công ty làm việc trực tiếp và

có các văn bản kiến nghị, đề xuất phản hồi tới các cơ quan ban ngành có liên quan của tỉnh Bến Tre đối với dự án Phú Tân, chợ Mỹ Thạnh An.

HĐQT thường xuyên giám sát chặt chẽ công tác điều hành SXKD, chỉ đạo đơn đốc tích cực trong công tác thu hồi công nợ của Ban điều hành; kịp thời rà soát, điều chỉnh ban hành các quy chế để công tác quản lý điều hành thực hiện đúng qui định của pháp luật hiện hành.

HĐQT thông qua các cuộc họp định kỳ, đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định để thực thi nhiệm vụ quản lý điều hành các hoạt động của Công ty:

+ Chỉ đạo xử lý các thủ tục liên quan về quan hệ lao động theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ nhưng phải đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty.

+ Phê duyệt hạn mức tín dụng đối với nợ vay ngân hàng.

+ Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc, Người đại diện trước pháp luật của Công ty đối với Ông Nguyễn Hoài Yên, kể từ ngày 15/9/2020.

+ Bổ nhiệm chức vụ Giám đốc, Người đại diện trước pháp luật của Công ty đối với Ông Đinh Hoàng Vinh từ ngày 15/9/2020.

+ Tái bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty.

+ Chỉ đạo thực hiện các kiến nghị của Đoàn công tác của cổ đông SCIC

+ Các phiên họp HĐQT trong năm có mời Ban Kiểm soát tham dự.

HĐQT đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT theo Điều lệ, đảm bảo việc chỉ đạo, quản trị theo đúng pháp luật.

2. Kiểm soát hoạt động của Ban giám đốc

Ban Giám đốc có các thành viên như sau :

1. Ông Nguyễn Hoài Yên - Giám đốc, miễn nhiệm ngày 15/9/2020
2. Ông Tô Văn Chương - Phó giám đốc, miễn nhiệm ngày 15/9/2020
3. Ông Đinh Hoàng Vinh - Phó giám đốc, từ ngày 19/11/2019
- Giám đốc, từ ngày 15/9/2020

Tại ngày 31/12/2020, Giám đốc và Người đại diện pháp luật của Công ty là Ông Đinh Hoàng Vinh, miễn nhiệm ngày 11/3/2021.

Tại thời điểm báo cáo, Giám đốc và Người đại diện pháp luật của Công ty là Bà Trương Thị Yến, đã được bổ nhiệm từ ngày 11/3/2021.

Cùng với HĐQT, Ban giám đốc đã triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT trong việc điều hành sản xuất kinh doanh.

- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh:

+ Doanh thu bán hàng năm 2020 sụt giảm mạnh so với các năm trước, và đạt tỷ lệ 59% tương đương số tiền 96,88 tỷ đồng so với kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30/6/2020.

+ Hai mảng kinh doanh chính mang lại Doanh thu của Công ty: (1) kinh doanh vật liệu xây dựng đạt 54% kế hoạch tương đương 23 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 24% trong Doanh thu bán hàng; (2) thi công xây dựng đạt 61% kế hoạch tương đương 70,96 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 73% trong Doanh thu bán hàng.

+ Lợi nhuận gộp từ 02 mảng kinh doanh chưa đảm bảo theo kế hoạch (chi phí giá vốn cao), chi phí quản lý và chi phí lãi vay tăng vượt so với kế hoạch tổng cộng 8,45 tỷ đồng. Chi phí gián tiếp không giảm tương ứng với tỷ lệ giảm của Doanh thu, ngoài ra, chi phí gián tiếp bị tăng vượt từ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và chi phí lãi vay (đã nêu tại I khoản 1.1).

+ Kết quả kinh doanh năm có lợi nhuận trước thuế lỗ 18,035 tỷ đồng. Lũy kế đến 31/12/2020 lỗ 29.36 tỷ đồng (đã nêu tại I khoản 1.1).

- Về công tác quản lý điều hành:

+ Trong năm, Ban điều hành đã nỗ lực và triển khai các biện pháp để thu hồi công nợ: tiến hành cho đối tượng nợ ký cam kết trả nợ, kiện ra Tòa. Tuy nhiên, nợ phải thu ngày càng tăng, nợ phải thu tại 01/01/2020 là 54,8 tỷ đồng đến 31/12/2020 là 66,3 tỷ đồng (trong đó trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 11,4 tỷ đồng), nợ phải thu tăng 11,5 tỷ đồng, trong đó, tạm ứng vượt giá trị giao khoán cho các Đội thi công công trình xây dựng là 9,8 tỷ đồng.

+ Ban điều hành Công ty đã nỗ lực bám sát việc thu hồi nợ phải thu của Công an tỉnh Bến Tre với dư nợ phải thu 15,6 tỷ đồng cho 3 công trình (*trong đó công trình Trại tạm giam hơn 10 tỷ đồng*).

+ Dư nợ vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh Doanh đến 31/12/2020 là 86,9 tỷ đồng giảm so với đầu năm là 8,2 tỷ đồng.

+ Thi công xây dựng công trình: việc quyết toán các công trình thi công chậm, kéo dài so với thời hạn Hợp đồng giao khoán. Khi quyết toán các công trình thi công với Đội, thì đa số Công ty đều cho Đội tạm ứng vượt so với giá trị Hợp đồng giao khoán, và việc thu hồi công nợ từ các Đội rất chậm trễ. Một số công trình, Đội thi công không đảm bảo được thời gian thi công, Công ty đã phải tiếp quản để kịp tiến độ bàn giao cho Chủ đầu tư, từ đó dẫn đến việc Đội thi công không tiến hành ký Biên bản Quyết toán công trình trong đó có giá trị tạm ứng vượt cần phải thu hồi lớn như: Đội Lê Văn Trung – Công trình Trại tạm giam (4,6 tỷ đồng), Đội Lê Hoàng Thanh – Công trình Trường Thành Triệu (6,6 tỷ đồng),...

+ Dự án Phú Tân: Công ty đã và đang tiếp tục tích cực làm việc trực tiếp và gửi văn bản kiến nghị đến các Sở ban ngành liên quan để bảo vệ quyền lợi tối đa cho Công ty, kể từ thời điểm Công ty nhận được Quyết định số 90/QĐ-SKHĐT ngày 22/7/2019 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre về việc chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư dự án của Công ty.

+ Việc tranh chấp một số thửa đất nằm trong Dự án Phú Tân mà Công ty đã nhận chuyển nhượng từ cá nhân giai đoạn năm 2010 nhưng chưa được chuyển tên Công ty, mặc dù Công ty đang giữ bản chính của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Công ty đã thuê đơn vị tư vấn luật để đảm bảo quyền lợi tối đa cho Công ty.

+ Dự án Chợ Mỹ Thạnh An: đã tạm ngừng thi công, hiện đang trong giai đoạn tìm kiếm đối tác để hợp tác, với giá trị đầu tư 6,3 tỷ đồng (giá trị đất: 3,7 tỷ, xây dựng: 2,6 tỷ). Cho đến nay chưa tìm được đối tác cho thuê/hợp tác. Ban điều hành Công ty đã gửi văn bản đến Sở Công thương và UBND tỉnh Bến Tre về việc xin chuyển đổi mục đích sử dụng từ Chợ sang đất thương mại dịch vụ.

+ Đối với hoạt động khai thác cát:

- + Trong Quý 1/2020, Ban giám đốc tích cực nắm bắt tình hình và tham gia đấu giá quyền khai thác các mỏ cát mới theo chủ trương của tỉnh nhưng không đạt kết quả.
- + Các mỏ cát đều đã hết thời hạn khai thác từ cuối năm 2018, số tiền Công ty đã ký quỹ trước đây là 1,7 tỷ đồng để được cấp quyền khai thác, Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ theo qui định. Số tiền này, Công ty sẽ được nhận lại sau khi hoàn thành các thủ tục hoàn nguyên theo qui định.
- + Tháng 11/2019 đoàn Thanh tra chính phủ đến làm việc tại Công ty về hoạt động khai thác cát đối với các mỏ cát được cấp phép trên địa bàn tỉnh Bến Tre, do đó thủ tục đóng cửa mỏ của Công ty hiện nay đang được Sở tài nguyên môi trường tạm thời chậm lại tiến độ giải quyết hồ sơ.
- + Theo dự thảo kết luận của Đoàn thanh tra đã được UBND tỉnh Bến Tre công bố vào ngày 03/01/2020 trong đó kết luận: truy thu số tiền thuế Công ty phải nộp hơn 18 tỷ đồng, đồng thời chuyển hồ sơ vụ việc sang Cơ quan điều tra và truy cứu trách nhiệm hình sự về tội trốn thuế; giao UBND tỉnh triển khai thực hiện, xử lý các việc liên quan.
- + Ngày 28/02/2020, Công ty đã có văn bản số 60/BC-UBND để giải trình gửi Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến tre và Đoàn Thanh tra Chính phủ, trong đó có đưa ra một số dẫn chứng đối với cơ sở kết luận của Đoàn Thanh tra là chưa phù hợp tại thời điểm Công ty khai thác.
- + Ngày 3/4/2021, Công ty nhận được văn bản số 924/STNMT-QLTN,B&KTTV ngày 31/3/2021 từ Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre đề nghị Công ty hoàn thành thủ tục đóng cửa các mỏ cát đã hết hạn, nếu không thì sẽ thực hiện sử dụng tiền ký quỹ của Công ty để thực hiện.
- + Ngày 12/4/2021, Công ty đã thực hiện công bố thông tin đối với nội dung tại văn bản số 541/TB-TTCP ngày 02/4/2021 (văn bản số 541) nội dung thông báo kết luận thanh tra chính phủ trong đó có nội dung liên quan đến tồn tại hạn chế trong việc khai thác cát, văn bản đã nêu Công ty không kê khai nộp thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và không hạch toán trên sổ kế toán gây thiệt hại ngân sách nhà nước với số tạm tính là 18.875.538.144 đồng. Theo đó, thanh tra chính phủ kiến nghị giao Công an Tỉnh điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật đối với hành vi trốn thuế tại Công ty.

II. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ TRƯỞNG CÁC BỘ PHẬN:

Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp của HĐQT, tham gia đóng góp ý kiến với HĐQT và Ban điều hành về công tác điều hành hoạt động của Công ty.

Trong quá trình hoạt động Ban Kiểm soát được HĐQT và Ban điều hành tạo điều kiện để Ban Kiểm soát hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ.

HĐQT, Ban điều hành và Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi thông tin, làm việc trên tinh thần đoàn kết, cởi mở, thẳng thắn đóng góp xây dựng nhằm nâng cao hiệu quả cho Công ty.

BKS tham dự các cuộc họp cùng Ban điều hành và Trưởng các bộ phận khi có yêu cầu có mặt BKS.

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ:

Công ty tích cực đẩy nhanh tiến độ thu hồi công nợ của khách hàng, chủ đầu tư và các đội thi công xây dựng để đảm bảo an toàn tài chính và tạo dòng tiền cho Công ty. Liên tục gửi văn bản đòi nợ đến các đối tượng nợ và áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật nhằm sớm thu hồi được nợ phải thu từ các đơn vị và cá nhân liên quan.

Rà soát tiến độ thi công công trình đảm bảo hoàn thành theo tiến độ của Hợp đồng thi công đã ký kết với Chủ đầu tư, để tránh những rủi ro phạt vi phạm Hợp đồng, ảnh hưởng đến việc đấu thầu các công trình thi công xây dựng.

Dự án Phú Tân: Công ty tiếp tục tăng cường phối hợp và có văn bản kiến nghị đến các Cơ quan hữu quan, nhằm đảm bảo Quyền sở hữu các khu đất đã làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cho Công ty, bám sát chủ Trương của Ủy ban tỉnh Bến Tre để sớm hoàn thành thủ tục liên quan tạo nguồn thu cho Công ty. Công ty tiến hành thuê đơn vị kiểm toán, kiểm toán toàn bộ giá trị đã đầu tư vào dự án nhằm bổ sung thêm cơ sở hồ sơ cho dự án. Tiếp tục cung cấp các tài liệu liên quan cho đơn vị tư vấn luật đối với các thửa đất đang tranh chấp trong dự án Phú Tân mà Công ty đã nhận chuyển nhượng từ cá nhân trước đây.

Dự án Chợ Mỹ Thạnh An: Tiếp tục sớm tìm kiếm đối tác cho thuê/hợp tác và kiến nghị UBND tỉnh Bến Tre về việc xin chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất Chợ sang đất thương mại dịch vụ. Công ty tiến hành thuê đơn vị kiểm toán, để kiểm toán toàn bộ giá trị đã đầu tư vào dự án.

Mỏ cát: Phối hợp cùng các cơ quan chức năng làm rõ các nội dung tại văn bản số 541 của thanh tra chính phủ đã kết luận. Tiếp tục rà soát chặt chẽ và thực hiện việc đóng cửa các mỏ cát đã hết thời hạn khai thác, và kịp thời xử lý những rủi ro liên quan (nếu có) theo đúng qui định.

Công ty xem xét điều chỉnh các mảng kinh doanh không hiệu quả như: vận tải hàng hóa, mua bán vật liệu xây dựng.

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 03/12/2019 đã thông qua kế hoạch tái cấu trúc lại Công ty cho giai đoạn từ 2019 – 2023, tính đến 31/12/2020, một số các tiêu chí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, bán bất động sản đầu tư, tài sản cố định là bất động sản và đầu tư dự án theo đề án đưa ra chưa thực hiện. Đề nghị

Công ty trình ĐHĐCĐ điều chỉnh đề án tái cấu trúc Công ty giai đoạn 2019 -2023, cho phù hợp tình hình hiện tại của Công ty.

Công ty phổ biến các Quy trình, quy chế đã được HĐQT công ty ban hành để triển khai thực hiện theo đúng quy định.

Xây dựng kế hoạch năm 2021 chi tiết và cụ thể, trong quá trình thực hiện phải luôn bám theo kế hoạch đã xây dựng, để có những điều chỉnh kịp thời nhằm mục tiêu đạt được kế hoạch đã đề ra.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2020:

Để nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát, Ban kiểm soát đã phân công nhiệm vụ cho từng thành viên.

Thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực thi pháp luật, Điều lệ của Công ty, việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, bao gồm chế độ bảo hiểm, quyền lợi cho người lao động và các nghĩa vụ tài chính khác.

Kiểm soát hoạt động tài chính Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính (đã kiểm tra BCTC 6 tháng đầu năm 2020, cả năm 2020).

Thẩm định kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính Quý 1/2020, 6 tháng đầu năm 2020 và cả năm 2020.

Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 và đánh giá tình triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2019 – 2023.

Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty

Trong năm, các thành viên Ban kiểm soát đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, thể hiện tính trung thực khách quan, tham gia sâu sát vào các mặt hoạt động tại Công ty.

V. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2021:

Xây dựng Quy chế hoạt động Ban kiểm soát tuân thủ và phù hợp Quy định tại Luật doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán 2019 và Điều lệ Công ty để trình ĐHĐCĐ năm 2021 thông qua.

Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và Pháp luật nhà nước hiện hành;

Tiếp tục thường xuyên kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty như: phối hợp trong công tác thu hồi công nợ,...

Thẩm định báo cáo tài chính định kỳ theo quy định

Trong hoạt động của mình, để đạt được kết quả tốt nhất, Ban kiểm soát sẽ cố gắng nỗ lực nhiều hơn nữa và rất mong tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của các Quý vị cổ đông cũng như của Hội đồng quản trị, sự hợp tác và phối hợp của Ban giám đốc và các bộ phận nghiệp vụ.

CHƯƠNG 9: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU
XÂY DỰNG BẾN TRE**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
Bảng cân đối kế toán	05 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vật Liệu Xây Dựng Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1852/QĐ-UB ngày 24/05/2004 của UBND tỉnh Bến Tre, đăng ký hoạt động kinh doanh theo giấy phép số 1300108704 ngày 01/09/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 11 tháng 03 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp.

Mã Chứng khoán Công ty là: VXB.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Điện thoại : (0275) 3822 319 – (0275) 3829 857

Fax : 0275 3822 319

Mã số thuế : 1300108704

2. Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm Soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

Họ và Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Bà Mai Thị Thanh Thủy	Chủ tịch	15/06/2018	
Bà Phạm Tường Vi	Thành viên	31/05/2019	
Ông Lê Đình Nhiên	Thành viên		30/06/2020
Ông Nguyễn Văn Thạnh	Thành viên	15/06/2018	
Ông Nguyễn Hoài Yên	Thành viên		15/09/2020
Ông Đinh Hoàng Vinh	Thành viên	30/06/2020	
Bà Trương Thị Yến	Thành viên	30/12/2020	

Ban Giám đốc

Họ và Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Bà Trương Thị Yến	Giám đốc	11/03/2021	
Ông Đinh Hoàng Vinh	Giám đốc	15/09/2020	11/03/2021
Ông Nguyễn Hoài Yên	Giám đốc		15/09/2020
Ông Tô Văn Chương	Phó Giám đốc		15/09/2020
Ông Đinh Hoàng Vinh	Phó Giám đốc		15/09/2020

Ban Kiểm Soát

Họ và Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Bà Lê Thị Kim Nướng	Trưởng ban	31/05/2019	
Bà Đỗ Thị Kim Anh	Thành viên	15/06/2018	
Ông Cao Minh Nhật	Thành viên	30/06/2020	
Bà Huỳnh Thị Huệ Thu	Thành viên		30/06/2020

Đại diện pháp luật

Họ và Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Bà Trương Thị Yến	Giám đốc	11/03/2021	
Ông Đinh Hoàng Vinh	Giám đốc	15/09/2020	11/03/2021
Ông Nguyễn Hoài Yên	Giám đốc		15/09/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định thực hiện Kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Công bố báo cáo tài chính

Ban Giám đốc công bố các báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TRƯƠNG THỊ YẾN

Giám đốc

Bến Tre, ngày 20 tháng 03 năm 2021



Số: 028/2021/BCKT-CT.00181

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vật Liệu Xây Dựng Bến Tre**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vật Liệu Xây Dựng Bến Tre được lập ngày 20 tháng 03 năm 2021, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật Liệu Xây Dựng Bến Tre tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã nêu tại mục 9.4 của Thuyết minh báo cáo tài chính, Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 32.401.807.379 VND. Ban Giám đốc Công ty xác định đây là các khoản nợ phải trả phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty.

Như đã nêu tại mục 5.11 của thuyết minh báo cáo tài chính, đây là chi phí dự án khu tái định cư Phú Tân. Hiện nay dự án khu tái định cư Phú Tân tại ngày 31/12/2020 với giá trị 35.836.293.720 VND đã ngưng hoạt động theo quyết định số 90/QĐ-SKHĐT của Sở kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh bến Tre và Công Ty đang chờ quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc triển khai dự án Khu đô thị mới Phú Tân.



TRANG ĐẮC NHA

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ
TP. Cần Thơ, ngày 20 tháng 03 năm 2021

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
0600-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2020	01/01/2020
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		78.198.138.539	98.886.628.994
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.400.917.789	2.618.702.265
Tiền	111	5.1	3.400.917.789	2.618.702.265
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		54.901.604.152	49.691.278.782
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	42.169.302.902	40.284.297.868
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	662.471.777	888.337.830
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4.1	23.446.732.878	13.676.039.795
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(11.376.903.405)	(5.157.396.711)
Hàng tồn kho	140	5.6	19.514.078.674	45.959.623.234
Hàng tồn kho	141		19.514.078.674	45.959.623.234
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		381.537.924	617.024.713
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	45.000.000	196.273.125
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	336.537.924	420.751.588
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2020	01/01/2020
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		61.924.748.951	63.947.484.302
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.712.500.308	1.712.500.308
Phải thu dài hạn khác	216	5.4.2	1.712.500.308	1.712.500.308
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		11.202.244.002	13.043.878.133
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	10.366.449.399	12.208.083.530
Nguyên giá	222		25.170.452.760	26.133.266.015
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.804.003.361)	(13.925.182.485)
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	835.794.603	835.794.603
Nguyên giá	228		835.794.603	835.794.603
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Bất động sản đầu tư	230	5.10	8.899.887.402	8.899.887.402
Nguyên giá	231		8.899.887.402	8.899.887.402
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		39.570.371.068	39.703.013.006
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	5.11	35.836.293.720	35.858.728.447
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	3.734.077.348	3.844.284.559
Tài sản dài hạn khác	260		539.746.171	588.205.453
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	197.246.109	245.705.391
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.13	342.500.062	342.500.062
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		140.122.887.490	162.834.113.296

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
Đơn vị tính: VND				
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		110.770.345.918	115.446.163.993
Nợ ngắn hạn	310		110.599.945.918	111.501.665.029
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	12.846.964.844	9.527.998.640
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	5.480.358.924	4.347.110.285
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	1.938.282.569	-
Phải trả người lao động	314		326.979.137	727.040.732
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	870.419.486	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	690.606.149	4.055.113.528
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20.1	86.733.834.501	91.131.901.536
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.19	1.712.500.308	1.712.500.308
Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		170.400.000	3.944.498.964
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20.2	170.400.000	3.944.498.964
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		29.352.541.572	47.387.949.303
Vốn chủ sở hữu	410	5.21	29.352.541.572	47.387.949.303
Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.490.060.000	40.490.060.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.490.060.000	40.490.060.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		4.067.762.000	4.067.762.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		14.152.369.189	14.152.369.189
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(29.357.649.617)	(11.322.241.886)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(11.322.241.886)	1.096.231.984
LNST chưa phân phối năm nay	421b		(18.035.407.731)	(12.418.473.870)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		140.122.887.490	162.834.113.296



NGUYỄN THỊ THÚY KIỀU
Người lập biểu



ĐỖ THỊ THU TRANG
Kế toán trưởng



TRƯƠNG THỊ YẾN
Giám đốc

Bến Tre, ngày 20 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2020	2019
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	96.875.375.146	131.520.426.299
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	239.376.615
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		96.875.375.146	131.281.049.684
Giá vốn hàng bán	11	6.3	93.451.231.178	125.504.386.447
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.424.143.968	5.776.663.237
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	54.580.593	102.745.034
Chi phí tài chính	22	6.5	7.228.100.613	6.486.553.826
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.228.100.613	6.486.553.826
Chi phí bán hàng	25	6.6	2.022.327.578	3.238.434.829
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	12.909.883.557	11.510.785.765
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(18.681.587.187)	(15.356.366.149)
Thu nhập khác	31	6.8	876.873.746	2.828.364.581
Chi phí khác	32	6.9	230.694.290	49.972.364
Lợi nhuận khác	40		646.179.456	2.778.392.217
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(18.035.407.731)	(12.577.973.932)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.16	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	(159.500.062)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(18.035.407.731)	(12.418.473.870)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		6.10	(4.454)	(3.067)



NGUYỄN THỊ THÚY KIỀU
Người lập

ĐỖ THỊ THU TRANG
Kế toán trưởng



TRƯƠNG THỊ YẾN
Giám đốc

Bến Tre, ngày 20 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2020	2019
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		(18.035.407.731)	(12.577.973.932)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				-
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1.789.964.232	1.893.003.632
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03		6.219.506.694	3.548.669.731
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(209.697.364)	(1.449.210.596)
Chi phí lãi vay	06		7.228.100.613	6.486.553.826
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		(3.007.533.556)	(2.098.957.339)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(11.345.618.400)	55.966.672.248
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		26.467.979.287	(21.792.324.064)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2.625.928.438	(25.388.994.924)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		450.141.918	957.623.493
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.357.681.127)	(6.486.553.826)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(581.245.788)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.833.216.560	576.219.800
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(289.785.936)	(2.553.576.833)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		368.181.818	1.754.545.452
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		42.769.081	86.199.757
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		121.164.963	(712.831.624)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2020	2019
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	86.721.216.156	140.558.934.864
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(94.893.382.155)	(143.036.185.467)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.172.165.999)	(2.477.250.603)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM				
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	50		782.215.524	(2.613.862.427)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	60		2.618.702.265	5.232.564.692
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	5.1	3.400.917.789	2.618.702.265



NGUYỄN THỊ THÚY KIỀU
Người lập biểu

ĐỖ THỊ THU TRANG
Kế toán trưởng

TRƯƠNG THỊ YẾN
Giám đốc

Bến Tre, ngày 20 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1852/QĐ-UB ngày 24/05/2004 của UBND tỉnh Bến Tre, đăng ký hoạt động kinh doanh theo giấy phép số 1300108704 ngày 01/09/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 11 tháng 03 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 40.490.060.000 VND; tương đương 4.049.006 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND/cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất – Thương mại – Xây dựng – Kinh doanh bất động sản.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- San lấp mặt bằng;
- Vận tải hàng hóa;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng;
- Kinh doanh bất động sản.

1.4 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng số nhân viên của Công ty là 49 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 66 người).

2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

4 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 đến dưới 02 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5-
TY
HỮU
XÃ
TN
ÁN
H
P.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

4.6 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	06 năm

4.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bán giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp;
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.
- Công ty dự định thanh toán Thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản Thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của Thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản Thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Trong kỳ, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20%.

4.15 Quý tiền lương

Trong năm, Công ty đã thực hiện chi phí tiền lương thực hiện trên cơ sở lương trên hợp đồng lao động.

4.16 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn

Trong năm, Công ty trích Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn theo mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác theo quy định hiện hành:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên lương cơ bản vào chi phí là: 17,5% và 8% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương cơ bản vào chi phí là: 3% và 1,5% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản vào chi phí là: 1% và 1% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Kinh phí công đoàn được trích trên lương cơ bản vào chi phí là: 2%.

4.17 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.18 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty chỉ có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty chỉ có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty

Quan hệ

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - Công ty TNHH
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Cổ đông lớn
Thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền				
			31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
Tiền mặt			454.986.837	230.037.423
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn			2.945.930.952	2.388.664.842
			3.400.917.789	2.618.702.265
5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
			31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>				
Công An tỉnh Bến Tre – Phòng Hậu Cần			15.598.221.682	15.599.421.682
Ban QLDA ĐTXD Khu vực Thành phố Bến Tre			2.903.382.000	2.407.627.600
Ban QLDA Đầu Tư Xây Dựng Huyện Ba Tri			6.467.716.000	1.423.659.000
Các khách hàng khác			17.199.983.220	20.853.589.586
			42.169.302.902	40.284.297.868
5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn				
			31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<i>Trả trước cho người bán khác</i>				
Công ty TNHH MTV Tấn Thiện			317.308.000	317.308.000
Công ty TNHH SX & TM Hoàng Hải			-	109.239.500
Công ty TNHH Sài Gòn Bấy			100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH TM và DV Chợ Thành			-	175.000.000
Công ty TNHH Thiết Bị Điện Luật Thiên			68.415.600	-
Các nhà cung cấp khác			176.748.177	186.790.330
			662.471.777	888.337.830
5.4 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác				
5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác				
			31/12/2020	01/01/2020
			Giá trị VND	Giá trị VND
			Dự phòng VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Tạm ứng công tác	81.688.584	-	13.927.000	-
Bảo hiểm Y tế	-	-	800.420	-
Ông Lê Hoàng Dũng – Đội Xây dựng số 4	7.425.742.809	1.902.497.316	3.000.225.691	-
Ông Lê Văn Trung – Đội Xây dựng số 6	1.274.359.259	-	2.253.173.494	-
Ông Lê Hoàng Thanh – Đội Xây dựng số 1	6.967.822.115	1.705.963.034	4.609.985.104	-
Ông Trần Trung Trực – Đội Xây dựng số 5	3.681.538.378	-	355.004.213	-
Các khoản phải thu ngắn	4.015.581.733	-	3.442.923.873	-
	23.446.732.878	3.608.460.350	13.676.039.795	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.4.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Quỹ Bảo Vệ Môi Trường Việt Nam - Kỳ	1.712.500.308	-	1.712.500.308	-
	1.712.500.308	-	1.712.500.308	-

5.5 Nợ xấu

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm				
Nguyễn Văn Ly	-	-	13.155.000	9.208.500
Trường Mẫu Giáo Quới Sơn	945.546.847	661.882.793	-	-
Trường Trung học Bình Khánh Đông	1.250.996.598	875.697.619	-	-
Trường THCS An Ngãi Trung	6.341.657.720	4.439.160.404	-	-
Trường THCS Thành Triệu	3.490.000.000	2.443.000.000	-	-
Nợ quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm				
Khối Cảnh sát nhân dân	4.553.426.403	2.276.713.202	-	-
Trụ sở Thạnh Phú	426.157.614	213.078.807	-	-
Các khách hàng khác	1.503.024.379	751.512.186	193.025.362	96.512.681
Nợ quá hạn trên 3 năm				
DNTN XD TM Đại Phan Thành	466.285.000	-	466.285.000	-
Vật Liệu Xây Dựng Chì Cúc - Ba Tri	241.252.735	-	246.752.735	-
Công ty CP XNK và Xây Dựng Bạch Đằng	363.407.307	-	363.407.307	-
Bà Nguyễn Thị Kim An	244.500.000	-	304.500.000	-
Các khoản khác	3.211.693.813	-	3.675.992.488	-
	23.037.948.416	11.661.045.011	5.263.117.892	105.721.181

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn		Cộng
	VND	Nợ phải thu ngắn hạn khác VND	
Tại ngày 01/01/2020	(5.157.396.711)	-	(5.157.396.711)
Trích lập dự phòng	(3.284.828.464)	(3.608.460.349)	(6.893.288.813)
Hoàn nhập dự phòng	673.782.119	-	673.782.119
Tại ngày 31/12/2020	(7.768.443.056)	(3.608.460.349)	(11.376.903.405)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	479.332.363	-	698.796.563	-
Công cụ, dụng	2.686.429	-	3.290.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.841.059.352	-	41.357.277.640	-
Thành phẩm	139.598.299	-	323.965.429	-
Hàng hoá	2.051.402.231	-	3.576.293.602	-
	19.514.078.674	-	45.959.623.234	-

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí CCDC	-	57.512.569
Chi phí sửa chữa	-	79.609.481
Bảo hiểm phương tiện	-	59.151.075
Chi phí ngắn hạn khác	45.000.000	-
	45.000.000	196.273.125

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí CCDC	-	120.694.228
Chi phí sửa chữa	197.246.109	110.113.294
Chi phí dài hạn khác	-	14.897.869
	197.246.109	245.705.391

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.8 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Vào ngày 01/01/2020	8.631.589.701	4.395.189.593	12.538.720.839	252.702.728	315.063.154	26.133.266.015
Mua trong năm	-	-	149.583.636	-	-	149.583.636
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.112.396.891)	-	-	(1.112.396.891)
Vào ngày 31/12/2020	8.631.589.701	4.395.189.593	11.575.907.584	252.702.728	315.063.154	25.170.452.760
Giá trị hao mòn lũy kế						
Vào ngày 01/01/2020	4.081.133.150	2.971.763.735	6.363.908.295	193.314.151	315.063.154	13.925.182.485
Khấu hao trong năm	244.875.900	289.530.880	1.230.647.052	24.910.400	-	1.789.964.232
- Phân loại lại	-	(25.643.454)	-	25.643.454	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(911.143.356)	-	-	(911.143.356)
Vào ngày 31/12/2020	4.326.009.050	3.235.651.161	6.683.411.991	243.868.005	315.063.154	14.804.003.361
Giá trị còn lại						
Vào ngày 01/01/2020	4.795.332.451	1.739.656.024	7.828.900.989	58.732.311	-	14.422.621.775
Vào ngày 31/12/2020	4.305.580.651	1.159.538.432	4.892.495.593	8.834.723	-	10.366.449.399
Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng						
Vào ngày 01/01/2020	2.237.728.516	2.145.242.714	1.473.565.410	73.534.546	315.063.154	6.245.134.340
Vào ngày 31/12/2020	2.237.728.516	2.213.422.714	1.222.136.839	103.534.546	315.063.154	6.091.885.769
Giá trị tài sản cố định đem đi thế chấp các khoản vay						
Vào ngày 01/01/2020	-	217.782.961	2.095.672.169	32.521.911	-	2.345.977.041
Vào ngày 31/12/2020	-	159.026.197	2.242.888.596	13.811.511	-	2.415.726.304

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.9 Tài sản cố định vô hình

	Giá trị quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Vào ngày 01/01/2020	835.794.603
Vào ngày 31/12/2020	<u>835.794.603</u>
Khấu hao trong năm	
Vào ngày 01/01/2020	-
Vào ngày 31/12/2020	<u>-</u>
Giá trị còn lại	
Vào ngày 01/01/2020	835.794.603
Vào ngày 31/12/2020	<u>835.794.603</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đem thế chấp các khoản vay của Công ty:	
Vào ngày 01/01/2020	835.794.603
Vào ngày 31/12/2020	<u>835.794.603</u>

**5.10 Bất động sản đầu tư
Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Quyền sử dụng đất tại xã Mỹ Thạnh An VND
Nguyên giá	
Vào ngày 01/01/2020	8.899.887.402
Vào ngày 31/12/2020	<u>8.899.887.402</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Vào ngày 01/01/2020	-
Vào ngày 31/12/2020	<u>-</u>
Giá trị còn lại	
Vào ngày 01/01/2020	8.899.887.402
Vào ngày 31/12/2020	<u>8.899.887.402</u>

5.11 Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	35.836.293.720	35.836.293.720	35.858.728.447	35.858.728.447
	<u>35.836.293.720</u>	<u>35.836.293.720</u>	<u>35.858.728.447</u>	<u>35.858.728.447</u>

(*) Đây là chi phí dự án khu tái định cư Phú Tân. Hiện nay dự án khu tái định cư Phú Tân tại ngày 31/12/2020 với giá trị 35.836.293.720 VND đã ngưng hoạt động theo quyết định số 90/QĐ-SKHĐT của Sở kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh bến Tre và Công Ty đang chờ quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc triển khai dự án Khu đô thị mới Phú Tân.

Toàn bộ dự án này đã được thế chấp làm tài sản đảm bảo vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2020	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm khác	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định					
Phần mềm phòng kinh doanh	358.955.000	-	-	-	358.955.000
Xây dựng cơ bản					
Bờ kè, nhà bảo vệ, nhà vệ sinh	573.596.003	-	-	-	573.596.003
Chợ Mỹ Thanh An	2.661.324.045	140.202.300	-	-	2.801.526.345
Sửa chữa sảnh văn phòng công ty	250.409.511	12.585.300	-	(262.994.811)	-
Vào ngày 31/12/2019	3.844.284.559	152.787.600	-	(262.994.811)	3.734.077.348



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.13 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chi phí hoàn nguyên. Chi tiết phát sinh như sau:

	Số tiền
	VND
Tại ngày 01/01/2020	342.500.062
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	-
Tại ngày 31/12/2020	342.500.062

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty TNHH Xây dựng Tuyết Nghi	366.973.760	181.973.760
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	675.060.275	2.323.757.975
Công ty TNHH Hiệp Hòa Lợi	167.090.000	167.090.000
Công ty TNHH MTV XD và Phát triển đô thị Bến Tre	872.645.000	972.645.000
Các nhà cung cấp khác	10.765.195.809	5.882.531.905
	12.846.964.844	9.527.998.640

5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ban Quản Lý Dự án ĐTXD Huyện Giồng Trôm	3.406.439.600	-
Ban Quản Lý Dự án ĐTXD các CT Dân Dụng & Công Nghiệp tỉnh Bến Tre	1.961.753.000	-
Ban Quản Lý Dự án ĐTXD Huyện Châu Thành	-	1.014.119.985
Ban QLDA Đầu tư Xây Dựng Huyện Tân Phú Đông	-	1.500.324.000
Các khách hàng khác	112.166.324	1.832.666.300
	5.480.358.924	4.347.110.285

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2020		Số phát sinh trong năm		31/12/2020	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế Giá trị gia tăng	84.213.664	-	3.271.661.826	(1.767.199.630)	-	1.420.248.532
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	336.537.924	-	-	-	336.537.924	-
Thuế Tài nguyên	-	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	524.080.655	(20.856.655)	-	503.224.000
Các loại thuế khác	-	-	39.364.796	(24.554.759)	-	14.810.037
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	-	-
	420.751.588	-	3.835.107.277	(1.812.611.044)	336.537.924	1.938.282.569

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động kinh doanh dịch vụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty đang áp dụng thuế suất phổ thông 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuế Thu nhập doanh nghiệp "TNDN" hiện hành		
	2020	2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(18.035.407.731)	(12.577.973.932)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	3.608.460.349	-
Các khoản điều chỉnh tăng	3.608.460.349	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	(14.426.947.382)	(12.577.973.932)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	870.419.486	-
	870.419.486	-
5.18 Phải trả ngắn hạn khác	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	20.972.140	17.946.800
Bảo hiểm xã hội	122.722.872	13.142.325
Bảo hiểm y tế	17.365.140	-
Bảo hiểm thất nghiệp	7.717.840	451.846
Nguyễn Tiến Tài	-	3.760.006.641
Ông Trần Trung Trực - Đội Xây Dựng số 2	263.504.657	261.134.657
Các khoản phải trả, phải nộp khác	258.323.500	2.431.259
	690.606.149	4.055.113.528
5.19 Dự phòng phải trả ngắn hạn	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Dự phòng phải trả chi phí hoàn nguyên	1.712.500.308	1.712.500.308
	1.712.500.308	1.712.500.308

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.20 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.20.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	86.393.034.501	86.393.034.501	80.288.501.536	80.288.501.536
<i>Vay cá nhân</i>				
Bà Lê Trâm Lý	-	-	4.790.000.000	4.790.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	340.800.000	340.800.000	6.053.400.000	6.053.400.000
	86.733.834.501	86.733.834.501	91.131.901.536	91.131.901.536

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty là các khoản vay có thời hạn dưới 12 tháng có số dư và lãi suất vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 được trình bày như sau:

	31/12/2020		01/01/2020	
	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)	Số tiền VND	Số tiền VND
BIDV - Chi nhánh Bến Tre	5,5% - 9%	3-11	86.393.034.501	80.288.501.536
Vay Cá Nhân			-	4.790.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả			340.800.000	6.053.400.000
			86.733.834.501	91.131.901.536

Chi tiết về số phát sinh và các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2020		31/12/2020	
	Số tiền vay phát sinh trong năm VND	Số tiền vay đã trả trong năm VND	Kết chuyển từ vay dài hạn VND	Số tiền VND
BIDV - Chi nhánh Bến Tre	71.836.216.156	(65.731.683.191)	-	86.393.034.501
Vay Cá Nhân	14.885.000.000	(19.675.000.000)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	(6.053.400.000)	(6.053.400.000)	340.800.000	340.800.000
	86.721.216.156	(91.460.083.191)	340.800.000	86.733.834.501

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

- (a) Đây là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre với mục đích vay là bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất và thi công xây dựng các công trình và mục đích bảo lãnh là phục vụ thi công công trình bao gồm các loại bảo lãnh trong lĩnh vực xây dựng: bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước, bảo lãnh bảo hành,... và các loại bảo lãnh phục vụ hoạt động kinh doanh VLXD, hàng trang trí nội thất. Tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay trên là tài sản cố định, bất động sản và quyền sử dụng đất. Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tính đến ngày 31/12/2020 được thế chấp là 2.415.726.304 VND.

5.20.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	170.400.000	170.400.000	9.997.898.964	9.997.898.964
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	(6.053.400.000)	(6.053.400.000)
	170.400.000	170.400.000	3.944.498.964	3.944.498.964

Chi tiết về số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	01/01/2020	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND	VND
BIDV - Chi nhánh Bến Tre	(b)	3.944.498.964	(3.433.298.964)	(340.800.000)	170.400.000
		3.944.498.964	(3.433.298.964)	(340.800.000)	170.400.000

- (b) Đây là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre với mục đích vay mua sắm tài sản cố định. Tài sản thế chấp được đảm bảo khoản vay trên là Quyền tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01/2017/670816/HĐTCTS ngày 29/12/2017.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.21 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")**5.21.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	40.490.060.000	4.067.762.000	14.152.369.189	1.096.231.984	59.806.423.173
Lỗ trong năm	-	-	-	(12.418.473.870)	(12.418.473.870)
Tại ngày 31/12/2019	40.490.060.000	4.067.762.000	14.152.369.189	(11.322.241.886)	47.387.949.303
Tại ngày 01/01/2020	40.490.060.000	4.067.762.000	14.152.369.189	(11.322.241.886)	47.387.949.303
Lỗ trong năm	-	-	-	(18.035.407.731)	(18.035.407.731)
Tại ngày 31/12/2020	40.490.060.000	4.067.762.000	14.152.369.189	(29.357.649.617)	29.352.541.572

5.21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà Nước (SCIC)	20.146.260.000	49,76%	20.146.260.000	49,76%
Ông Cao Toàn Thắng	2.880.000.000	7,11%	2.935.000.000	7,25%
Ông Ngô Hữu Tài	2.701.260.000	6,67%	2.701.260.000	6,67%
Các cổ đông khác	14.762.540.000	36,46%	14.707.540.000	36,32%
	40.490.060.000	100,00%	40.490.060.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.21.3 Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.049.006	4.049.006
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.049.006	4.049.006
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.049.006	4.049.006
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.049.006	4.049.006
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.049.006	4.049.006
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/Cổ phần		

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2020	2019
	VND	VND
Doanh thu hàng hóa	23.004.937.122	38.882.993.991
Doanh thu bán thành phẩm	994.336.570	844.327.421
Doanh thu xây dựng	70.957.397.313	90.692.861.906
Doanh thu khác	1.918.704.141	1.100.242.981
	96.875.375.146	131.520.426.299

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	2020	2019
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	-	239.376.615
	-	239.376.615

6.3 Giá vốn hàng bán

	2020	2019
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa	22.116.018.822	36.501.974.493
Giá vốn bán thành phẩm	853.065.717	1.263.930.501
Giá vốn xây dựng	68.058.055.620	83.967.940.887
Giá vốn khác	2.424.091.019	3.770.540.566
	93.451.231.178	125.504.386.447

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	2020	2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	42.769.081	86.199.757
Doanh thu hoạt động tài chính khác	11.811.512	16.545.277
	54.580.593	102.745.034

6.5 Chi phí tài chính

	2020	2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	7.228.100.613	6.486.553.826
	7.228.100.613	6.486.553.826

6.6 Chi phí bán hàng

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	812.466.874	1.427.600.733
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	379.801.180	617.477.947
Chi phí phân bổ	94.534.125	197.851.711
Chi phí khấu hao tài sản cố định	565.498.150	618.830.734
Chi phí bán hàng khác	170.027.249	376.673.704
	2.022.327.578	3.238.434.829

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.477.636.838	3.386.601.599
Chi phí nguyên vật liệu	71.748.546	61.145.206
Chi phí khấu hao tài sản cố định	331.761.192	337.194.526
Trích chi phí dự phòng	6.219.506.694	2.936.631.234
Chi phí khác	2.809.230.287	4.789.213.200
	12.909.883.557	11.510.785.765

6.8 Thu nhập khác

	2020	2019
	VND	VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	166.928.283	1.363.010.839
<i>Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định</i>	<i>368.181.818</i>	<i>1.754.545.452</i>
<i>Giá trị còn lại của tài sản cố định</i>	<i>(201.253.535)</i>	<i>(391.534.613)</i>
Thu từ thưởng doanh số, khuyến mãi	-	21.781.696
Chiết khấu mua hàng	368.958.997	579.789.155
Thu nhập khác	340.986.466	863.782.891
	876.873.746	2.828.364.581

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.9 Chi phí khác	2020 VND	2019 VND
Chi phí thi hành án	36.000.000	-
Chi phí khác	194.694.290	49.972.364
	230.694.290	49.972.364
6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận sau thuế	(18.035.407.731)	(12.418.473.870)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(18.035.407.731)	(12.418.473.870)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.049.006	4.049.006
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(4.454)	(3.067)
6.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	2020 VND	2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	51.927.284.209	87.572.289.851
Chi phí nhân công	4.539.723.712	27.309.329.941
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.789.964.232	1.893.003.632
Chi phí dịch vụ mua ngoài	588.476.890	1.769.360.468
Chi phí khác	11.466.945.837	13.877.106.804
	70.312.394.880	132.421.090.696
7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ		
7.1 Tiền thu từ đi vay		
	2020 VND	2019 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	86.721.216.156	140.558.934.864
	86.721.216.156	140.558.934.864
7.2 Tiền trả nợ gốc vay		
	2020 VND	2019 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	94.893.382.155	143.036.185.467
	94.893.382.155	143.036.185.467

8 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý chò những rủi ro nói trên như sau:

I. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2020			
Các khoản vay và nợ	86.733.834.501	170.400.000	86.904.234.501
Phải trả người bán, phải trả khác	13.368.793.001	-	13.368.793.001
Chi phí phải trả	870.419.486	-	870.419.486
	100.973.046.988	170.400.000	101.143.446.988
Ngày 01 tháng 01 năm 2020			
Các khoản vay và nợ	91.131.901.536	3.944.498.964	95.076.400.500
Phải trả người bán, phải trả khác	13.551.571.197	-	13.551.571.197
	104.683.472.733	3.944.498.964	108.627.971.697

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý, đất đai và dự án. (Thuyết minh số 5.8, 5.9, 5.11).

Giá trị hợp lý

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 01 tháng 01 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 01 tháng 01 năm 2020 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	34.400.859.846	35.126.901.157	34.400.859.846	35.126.901.157
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các khoản phải thu khác</i>	21.550.772.837	15.388.540.103	21.550.772.837	15.388.540.103
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	3.400.917.789	2.618.702.265	3.400.917.789	2.618.702.265
Tổng Cộng	59.352.550.472	53.134.143.525	59.352.550.472	53.134.143.525
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
<i>Vay và nợ</i>	86.904.234.501	95.076.400.500	86.904.234.501	95.076.400.500
<i>Phải trả người bán</i>	12.846.964.844	9.527.998.640	12.846.964.844	9.527.998.640
<i>Phải trả khác</i>	521.828.157	4.023.572.557	521.828.157	4.023.572.557
<i>Chi phí phải trả</i>	870.419.486	-	870.419.486	-
Tổng Cộng	101.143.446.988	108.627.971.697	101.143.446.988	108.627.971.697

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 01 tháng 01 năm 2020. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

9 CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	2020	2019
	VND	VND
Lương, thưởng và thù lao	577.456.500	713.157.200

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, không có giao dịch và số dư các khoản phải thu, phải trả giữa Công ty với các bên có liên quan khác.

9.2 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận của Công ty chủ yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

9.2.1 Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Hoạt động kinh doanh hàng hóa và thành phẩm
- Hoạt động xây dựng và kinh doanh bất động sản
- Hoạt động khác

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động kinh doanh hàng hóa và thành phẩm	Hoạt động xây dựng và kinh doanh bất động sản	Hoạt động khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Năm 2020				
Doanh thu thuần	23.999.273.692	70.957.397.313	1.918.704.141	96.875.375.146
Chi phí chờ phân bổ	(22.969.084.539)	(68.058.055.620)	(2.424.091.019)	(93.451.231.178)
Kết quả kinh doanh bộ phận	1.030.189.153	2.899.341.693	(505.386.878)	3.424.143.968
Chi phí không phân bổ				(14.932.211.135)
Thu nhập hoạt động tài chính				54.580.593
Chi phí hoạt động tài chính				(7.228.100.613)
Thu nhập khác				876.873.746
Chi phí khác				(230.694.290)
Lợi nhuận trước thuế				(18.035.407.731)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế TNDN				(18.035.407.731)
Vào ngày 31/12/2020				
Tài sản và nợ phải trả				
Tài sản không phân bổ				140.122.887.490
Tổng tài sản				140.122.887.490
Nợ phải trả không phân bổ				110.770.345.918
Tổng nợ phải trả				110.770.345.918

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Hoạt động kinh doanh hàng hóa và thành phẩm VND	Hoạt động xây dựng và kinh doanh bất động sản VND	Hoạt động khác VND	Cộng VND
Năm 2019				
Doanh thu thuần	39.727.321.412	90.453.485.291	1.100.242.981	131.281.049.684
Chi phí chờ phân bổ	(37.765.904.994)	(83.967.940.887)	(3.770.540.566)	(125.504.386.447)
Kết quả kinh doanh bộ phận	1.961.416.418	6.485.544.404	(2.670.297.585)	5.776.663.237
Chi phí không phân bổ				(14.749.220.594)
Thu nhập hoạt động tài chính				102.745.034
Chi phí hoạt động tài chính				(6.486.553.826)
Thu nhập khác				2.828.364.581
Chi phí khác				(49.972.364)
Lợi nhuận trước thuế				(12.577.973.932)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại				159.500.062
Lợi nhuận sau thuế TNDN				(12.418.473.870)
Vào ngày 01/01/2020				
Tài sản và nợ phải trả				
Tài sản không phân bổ				162.834.113.296
Tổng tài sản				162.834.113.296
Nợ phải trả không phân bổ				115.446.163.993
Tổng nợ phải trả				115.446.163.993

9.2.2 Thông tin về khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

9.3 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính .

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: 207D, Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

9.4 Thông tin khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 32.401.807.379 VND. Ban Giám đốc Công ty xác định đây là các khoản nợ phải trả phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty.



NGUYỄN THỊ THÚY KIỀU

Người lập

ĐỖ THỊ THU TRANG

Kế toán trưởng

TRƯƠNG THỊ YẾN

Giám đốc

Bến Tre, ngày 20 tháng 03 năm 2021





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

Bến Tre, ngày 19 tháng 04 năm 2021
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Trương Thị Yến

(*) Báo cáo thường niên năm 2020 được công bố thông tin theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 và chưa được Đại hội cổ đông thông qua